

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRUNG TÂM N- ỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TR- ỜNG NÔNG THÔN

SỔ TAY H- ỚNG DẪN THIẾT LẬP CÔNG TRÌNH CẤP N- ỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN

HÀ NỘI, 12/2003

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ	4
GIỚI THIỆU	6
PHẦN 1: QUYẾT ĐỊNH THIẾT LẬP HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TẬP TRUNG	9
1.1 Chuẩn bị đề xuất dự án.....	9
1.2 Họp cộng đồng	10
PHẦN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TỔ HỢP TÁC CẤP N- ỚC.....	12
2.1 Chuẩn bị Điều lệ Tổ hợp tác cấp nước	12
2.2 Họp thành lập Tổ hợp tác cấp nước	12
2.3 Đăng ký Tổ hợp tác cấp nước	13
2.4 Xác định vai trò, nhiệm vụ của các ban và nhân viên	14
2.5 Đại hội tổ viên đầu tiên	14
2.6 Công tác quản lý hàng ngày	15
PHẦN 3: THIẾT KẾ, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP N- ỚC	16
3.1 Chuẩn bị báo cáo đầu tư hoặc nghiên cứu khả thi	16
3.2 Chuẩn bị thiết kế chi tiết	18
3.3 Xây dựng	19
3.4 Bàn giao công trình	20
3.5 Đưa công trình vào hoạt động	21

PHẦN 4: CUNG CẤP TÀI CHÍNH CHO HỆ THỐNG

CẤP N- ỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN 22

4.1 Đóng góp của dân 22

4.2 Các nguồn tài chính khác và khả năng trợ cấp 23

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.1: Giới thiệu tóm tắt về các hệ thống cấp nước tập trung nông thôn

Phụ lục 1.2: Nội dung đề xuất dự án thiết lập nhóm người sử dụng nước để xây dựng hệ thống cấp nước tập trung nông thôn

Phụ lục 1.3: Chương trình làm việc của cuộc họp cộng đồng đầu tiên

Phụ lục 1.4: Biên bản cuộc họp thành lập nhóm người sử dụng nước

Phụ lục 1.5: Mẫu tờ trình xin thiết lập một hệ thống cấp nước tập trung nông thôn

Phụ lục 2.1: Điều 120-129 của Luật dân sự Việt Nam

Phụ lục 2.2: Điều lệ Tổ hợp tác cấp nước

Phụ lục 3.1a: Báo cáo đầu tư hệ thống cấp nước tập trung

Phụ lục 3.1b: Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi Công trình cấp nước tập trung nông thôn

Phụ lục 3.2: Mẫu hợp đồng lập báo cáo đầu tư

Phụ lục 3.3: Mẫu đơn xin khai thác nguồn nước ngầm

Phụ lục 3.4: Đơn tự nguyện hiến đất để xây dựng công trình cấp nước tập trung nông thôn

Phụ lục 3.5: Mẫu hợp đồng khảo sát thực địa và thiết kế chi tiết

Phụ lục 3.6: Mẫu hợp đồng giao nhận thầu xây lắp hệ thống cấp nước tập

Phụ lục 3.7: Biên bản bàn giao công trình

Phụ lục 3.8: Nội dung hồ sơ thiết lập hệ thống cấp nước

CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ

TỪ VIẾT TẮT:

TTNSH&VSMTNT	Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường Nông thôn
UBND	Ủy ban Nhân dân
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
TTDVN&VS huyện	Trung tâm dịch vụ tư vấn cấp nước và vệ sinh huyện
Sở XD	Sở xây dựng tỉnh
NCKT	Nghiên cứu khả thi
BCĐT	Báo cáo đầu tư
BQL	Ban quản lý nước
THT	Tổ hợp tác
CNTTNT	Cấp nước tập trung nông thôn
Nhóm SDN	Nhóm người sử dụng nước

D- ới đây là giải thích tóm tắt một số thuật ngữ đ- ợc sử dụng trong Sổ tay

ĐIỀU LỆ TỔ HỢP TÁC

Điều lệ bao gồm các quy tắc và quy định chung của Tổ hợp tác. Điều lệ này tương tự như bản hợp đồng hợp tác đã nêu trong Luật dân sự Việt Nam.

LUẬT DÂN SỰ CỦA VIỆT NAM

Luật Dân sự của Việt Nam là văn bản pháp lý nhằm tăng cường các quan hệ dân sự và tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Điều 120-129 của Luật Dân sự liên quan đến Tổ hợp tác. Những điều này được nêu trong Phụ lục 2.1 của sổ tay này.

CỘNG ĐỒNG

Cộng đồng là nhóm các hộ gia đình ở nông thôn cùng nhau thiết lập và sử dụng một hệ thống cấp nước tập trung. Cộng đồng gồm một hoặc nhiều làng.

TỔ HỢP TÁC

Tổ hợp tác là một nhóm người được thành lập và đăng ký theo Luật Dân sự của Việt Nam. Hình thức tổ chức này hiện nay tương đối thích hợp và phổ biến đối với người sử dụng nước ở nông thôn.

TRUNG TÂM DỊCH VỤ T- VẤN CẤP N- ỚC VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN CẤP HUYỆN

Trung tâm này sẽ được thành lập theo *Chiến lược Quốc gia Cấp nước và Vệ sinh nông thôn* tại huyện và có nhiệm vụ chính là hướng dẫn các thôn, xã các vấn đề về kỹ thuật, tổ chức, tài chính, sức khỏe, vệ sinh cùng các vấn đề liên quan khác về cấp nước và vệ sinh nông thôn. Trong nhiều trường hợp, trung tâm này cũng hướng dẫn/tư vấn người sử dụng liên hệ với các cơ quan khác như trung tâm y tế huyện, hoặc Trung tâm NSHVSMNT tỉnh để có những thông tin chi tiết khác.

CÁC THÀNH VIÊN SÁNG LẬP

Là các hộ gia đình thống nhất cùng nhau xây dựng hệ thống cấp nước tập trung và đăng ký tại cuộc họp thành lập.

BAN LÂM THỜI

Ban lâm thời được bầu tại **Cuộc họp cộng đồng** sau khi cuộc họp quyết định xây dựng một hệ thống cấp nước tập trung. Ban lâm thời sẽ chịu trách nhiệm điều hành công việc của **Nhóm sử dụng nước** cho tới **Đại hội tổ viên đầu tiên**. Tại đại hội tổ viên đầu tiên Ban quản lý công trình cấp nước sẽ được bầu và thực hiện các công việc tiếp theo.

BÁO CÁO ĐẦU TƯ / NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Mục tiêu của Báo cáo đầu tư hoặc nghiên cứu khả thi là nhằm đánh giá đề xuất của dự án hoặc ý tưởng của dự án về các yếu tố kỹ thuật, môi trường, tài chính và xã hội. Báo cáo đầu tư dùng cho các công trình cấp nước tập trung quy mô nhỏ (dự án dưới 3 tỷ đồng) còn nghiên cứu khả thi thì sử dụng cho những công trình quy mô lớn hơn.

BAN QUẢN LÝ

Ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý hệ thống cấp nước tập trung. Ban quản lý nước được bầu tại **Đại hội tổ viên** theo điều lệ Hợp tác xã.

TUYÊN TRUYỀN VIÊN

Tuyên truyền viên là thành viên trong cộng đồng. Tuyên truyền viên có thể cùng với một vài người khác đưa ra sáng kiến thiết lập hệ thống cấp nước tập trung và nếu khả thi, vận động các thành viên trong cộng đồng thành lập Nhóm người sử dụng nước để xây dựng và quản lý một hệ thống cấp nước tập trung.

BAN GIÁM SÁT

Ban giám sát do cộng đồng bầu tại Đại hội tổ viên đầu tiên. Vai trò của ban này được nêu trong Điều lệ Tổ hợp tác là thay mặt cộng đồng giám sát việc điều hành của Ban quản lý công trình cấp nước và việc vận hành bảo dưỡng hệ thống cấp nước của các nhân viên.

NHÓM NG- ỜI SỬ DỤNG N- ỚC

Là các hộ trong cộng đồng cùng tham gia xây dựng và vận hành hệ thống cấp nước tập trung. Dự tính hầu hết các nhóm người sử dụng nước sẽ đăng ký dưới dạng Tổ hợp tác.

CÁC CUỘC HỌP

Sổ tay này nhấn mạnh ba cuộc họp chính của người sử dụng nước được tổ chức trong quá trình thành lập nhóm người sử dụng nước và hệ thống cấp nước tập trung, đó là:

HỌP CỘNG ĐỒNG

Là cuộc họp đầu tiên nhằm trình bày ý tưởng thành lập *Nhóm ng- ời sử dụng n- ớc* và xây dựng hệ thống cấp nước tập trung dưới hình thức đề xuất dự án. Nội dung cuộc họp thường được chuẩn bị bởi các tuyên truyền viên. Trong cuộc họp này, *Ban Dự án n- ớc lâm thời* được thành lập và các hộ cam kết trả phí đăng ký, do đó sẽ có một quỹ cần thiết để Ban lâm thời tổ chức lập Báo cáo đầu tư (hoặc Nghiên cứu khả thi) và soạn thảo Điều lệ Tổ hợp tác.

Họp hội viên là cuộc họp của các thành viên tham gia nhóm người sử dụng nước nhằm thông qua *Điều lệ Tổ hợp tác* và quyết định xây dựng một hệ thống cấp nước tập trung dựa vào *Báo cáo đầu t-* (hoặc Nghiên cứu khả thi) được trình bày tại cuộc họp này.

ĐẠI HỘI TỔ VIÊN ĐẦU TIÊN

Là cuộc họp nhằm bầu *Ban quản lý* và *Ban giám sát công trình cấp n- ớc*, đồng thời thông qua ngân sách và phí sử dụng nước năm đầu tiên. Đại hội tổ viên đầu tiên được tổ chức sau khi xây dựng xong hệ thống cấp nước tập trung hoặc có thể sớm hơn.

GIỚI THIỆU

Chiến lược Quốc gia Cấp nước sạch và Vệ sinh nông thôn đến năm 2020

Được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000.

- **Mục tiêu đến năm 2020:** Tất cả cư dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc gia với số lượng tối thiểu là 60 lít/người/ngày và sử dụng hố xí hợp vệ sinh nhờ đẩy mạnh sự tham gia tích cực của cộng đồng và cách tiếp cận dựa theo nhu cầu.
- **Mục tiêu tới năm 2010:** 85% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh với số lượng 60 lít/ người/ ngày, 70% hộ nông thôn có hố xí hợp vệ sinh và thực hiện tốt vệ sinh cá nhân.

MỤC ĐÍCH

Sổ tay này là công cụ giúp cho các tuyên truyền viên và những người làm việc trực tiếp với cộng đồng dân cư nông thôn nhằm xúc tiến và thực hiện Chiến lược Quốc gia Cấp nước sạch và Vệ sinh nông thôn.

CÁCH SỬ DỤNG

Các tuyên truyền viên có thể sử dụng cuốn sổ tay này như một công cụ để thảo luận và nói chuyện với các thành viên trong cộng đồng, giúp họ thành lập nhóm người sử dụng nước, hướng dẫn họ lập kế hoạch hành động, tìm và tạo ra các nguồn vốn để xây dựng hệ thống cấp nước tập trung và đưa hệ thống này vào hoạt động.

Cuốn sổ tay này mô tả quá trình “từ ý tưởng đến hiện thực”, từ mong muốn có nước đến có nước theo trình tự các bước. Trong nhiều trường hợp, không nhất thiết phải tuân theo trình tự nêu trong tài liệu này, thông thường một số bước có thể được thực hiện đồng thời.

Nên sử dụng cuốn sổ tay này một cách linh hoạt và điều quan trọng là các tuyên truyền viên cần tìm hiểu những khả năng điều kiện của địa phương phù hợp với cộng đồng và hệ thống cấp nước tập trung nông thôn để áp dụng các hướng dẫn của sổ tay này.

NỘI DUNG

Sổ tay này đề cập quá trình thiết lập một hệ thống cấp nước tập trung, từ ý tưởng xây dựng đến đưa hệ thống vào hoạt động.

Cuốn sổ tay được chia làm bốn phần:

Phần 1 Đề cập những bước đầu tiên mà các thành viên trong cộng đồng thực hiện nhằm thành lập *Nhóm ng- òi sử dụng n- ớc*. Mục đích của nhóm người sử dụng nước là cùng nhau thiết lập và vận hành hệ thống cấp nước tập trung trong cộng đồng.

Phần 2 Mô tả Nhóm người sử dụng nước được tổ chức và đăng ký là Tổ hợp tác như thế nào. Tổ hợp tác có thể là hình thức tổ chức phù hợp nhất nhằm xây dựng và vận hành một công trình cấp nước tập trung qui mô vừa và nhỏ.

Phần 3 Đề cập việc thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống cấp nước tập trung.

Phần 4 Đề cập các nguồn vốn có thể huy động nhằm thiết lập một công trình cấp nước tập trung nông thôn.

Các hoạt động trong mỗi bước được miêu tả một cách ngắn gọn. Chi tiết về cách tiến hành một số hoạt động và ví dụ minh họa các báo cáo, đầu ra... được nêu trong các **phụ lục**.

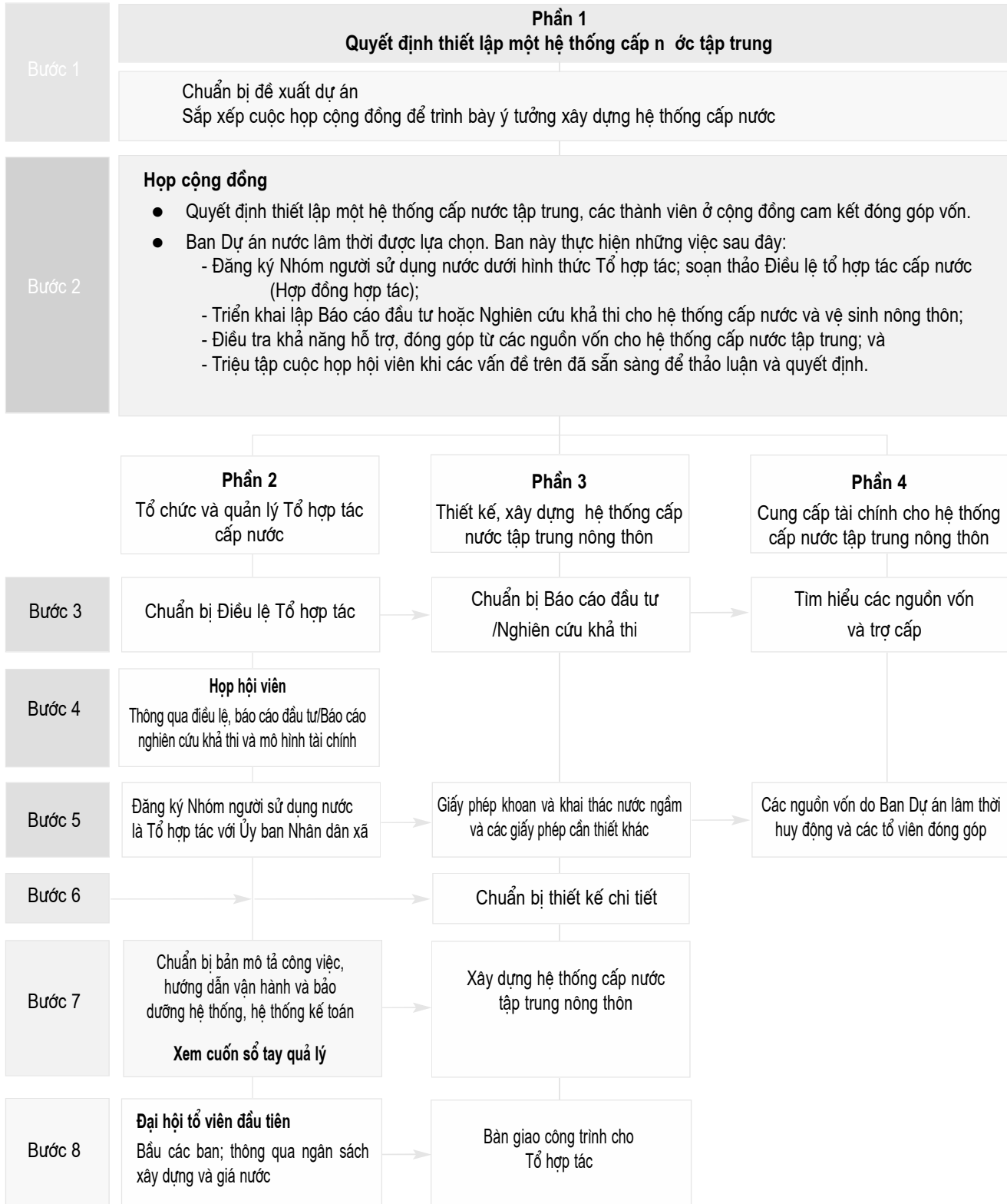
Các bước liên quan đến việc tổ chức và thiết lập một công trình cấp nước tập trung được nêu trong biểu đồ dưới đây. Biểu đồ này cũng chỉ ra các phần của cuốn sổ tay và nội dung của mỗi phần.

Có 8 bước được nêu trong Biểu đồ. Trong một số trường hợp, các bước bao gồm một số hoạt động song song, ví dụ ở bước 3 gồm có các hoạt động: chuẩn bị điều lệ; chuẩn bị báo cáo đầu tư/Báo cáo khả thi; Tìm hiểu các nguồn vốn & trợ cấp.

Sổ tay h- ướng dẫn quản lý, vận hành và các công việc hành chính của một công trình cấp n- ớc tập trung nông thôn (sau đây sẽ đ- ợc gọi tắt là Sổ tay quản lý) đã đ- ợc soạn thảo. Sổ tay này sẽ đề cập chi tiết hơn việc quản lý, vận hành và công tác kế toán

Ghi chú: Sổ tay này phù hợp nhất với mô hình Tổ hợp tác, loại mô hình được xác định như là hình thức tổ chức phù hợp cho những nhóm người sử dụng nước qui mô vừa và nhỏ ở nông thôn. Các hình thức tổ chức khác, ví dụ như Hợp tác xã, đăng ký theo Luật hợp tác xã cũng có thể sử dụng Sổ tay này để thiết lập một công trình cấp nước tập trung nông thôn; Khi đó, một số vấn đề về tổ chức ở Phần 2 cần được thay đổi cho phù hợp.

Biểu đồ: Các bước thiết lập một hệ thống cấp nước tập trung nông thôn



PHẦN 1

QUYẾT ĐỊNH THIẾT LẬP HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TẬP TRUNG

Phần này đề cập việc chuẩn bị đề xuất thiết lập một hệ thống cấp nước tập trung và các quyết định tiếp theo của các thành viên trong cộng đồng nhằm thiết lập Nhóm người sử dụng nước, xây dựng và vận hành hệ thống cấp nước tập trung.

Việc hình thành Nhóm người sử dụng nước và sau đó đăng ký là *Tổ hợp tác* có thể theo nhiều cách khác nhau. Có thể là một người, vài người, các tuyên truyền viên với tư cách là người khởi xướng sẽ tìm hiểu nguồn vốn cũng như các vấn đề kỹ thuật liên quan tới việc thiết lập một hệ thống cấp nước tập trung.

1.1 CHUẨN BỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

Đề xuất dự án không phải là một Nghiên cứu khả thi đầy đủ. Tuy nhiên, đề xuất này cần có đủ thông tin để các thành viên trong cộng đồng quyết định đóng góp ban đầu nhằm triển khai công việc và trang trải các chi phí cho việc lập dự án xây dựng hệ thống cấp nước tập trung.

Các hoạt động:

1. Thảo luận với các thành viên trong cộng đồng (cả nam giới lẫn phụ nữ) nhằm thu hút sự quan tâm của mọi người tới việc thiết lập một hệ thống cấp nước tập trung và sẵn sàng đóng góp cả về tài chính và hiện vật cho việc này.
2. Gặp gỡ và thảo luận với các cơ quan, tổ chức liên quan như UBND xã, Trung tâm Nước sạch

và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh và Trung tâm dịch vụ tư vấn cấp huyện - nếu trung tâm này được thành lập và với các tổ chức quần chúng nhằm thu thập thông tin về chính sách tài chính, kỹ thuật có liên quan đến cấp nước tập trung nông thôn.

3. Đi khảo sát thực địa nếu có thể, quan sát các công trình đang hoạt động và tìm hiểu kinh nghiệm từ các công trình này. Việc chia sẻ kinh nghiệm là rất quan trọng để lựa chọn công nghệ và tìm hiểu những ưu điểm, nhược điểm của các loại hình công nghệ, yêu cầu khi vận hành và bảo dưỡng, tổ chức và quản lý. Khi khảo sát, cần tập trung tìm hiểu những kinh nghiệm về huy động xã hội và đóng góp của nhân dân nhằm xây dựng công trình cũng như việc chi trả tiền tiêu thụ nước.
4. Nguồn nước sẽ quyết định việc đề xuất công nghệ. Phụ lục 1.1 mô tả ngắn gọn các đặc điểm cơ bản của các loại hình cấp nước tập trung: hệ tự chảy và hệ cấp nước dùng bơm đẩy.
5. Trên cơ sở những thông tin thu được, những người khởi xướng sẽ chuẩn bị bản đề xuất dự án với các điểm chính như sau:
 - Khu vực dự kiến được cấp nước bằng hệ thống cấp nước tập trung;
 - Nguồn nước;
 - Loại công nghệ có thể áp dụng;
 - Tổng chi phí dự kiến nhằm xây dựng hệ thống cấp nước tập trung;
 - Số hộ mắc nước dự kiến, số hộ dự kiến tối thiểu để có thể bắt đầu dự án;
 - Chi phí dự kiến cho từng hộ (tùy thuộc vào số hộ mắc nước);
 - Chi phí dự kiến cho một mét khối nước;
 - Nguồn vốn và khả năng nhận hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước, kể cả trợ cấp đặc biệt cho các hộ nghèo; xã nghèo;
 - Dự kiến tổ chức Nhóm người sử dụng nước thành Tổ hợp tác cấp nước (hoặc hình thức tổ chức khác) và mô hình quản lý hệ thống cấp nước.
 - Dự kiến khoảng thời gian xây dựng công trình và đưa vào hoạt động.

(Phụ lục 1.2 giới thiệu một mẫu của bản đề xuất dự án).

1.2 HỌP CỘNG ĐỒNG

Khi đã chuẩn bị xong bản đề xuất dự án, những người khởi xướng cùng với trưởng thôn triệu tập cuộc họp thôn, hoặc liên thôn (nếu có nhiều thôn tham gia), có đại diện của UBND xã. Cần cố gắng mời được đầy đủ các hộ gia đình trong khu vực dự kiến xây dựng công trình - và thuyết phục họ tham gia. Phụ nữ thường là những người chịu trách nhiệm về cấp nước và sức khỏe của gia đình, vì thế sự tham gia của phụ nữ là rất quan trọng.

Mục đích của cuộc họp này là để cộng đồng tham gia thảo luận đề xuất dự án và việc thành lập *nhóm ng-ời sử dụng n-ớc* để cùng nhau xây dựng và vận hành một công trình cấp nước tập trung.



Các hoạt động:

1. Tổ chức buổi họp. Cố gắng mời được đầy đủ các hộ có khả năng tham gia, đặc biệt là phụ nữ trong khu vực cấp nước dự kiến.
2. Trình bày và thảo luận bản đề xuất dự án. Chương trình làm việc dự kiến cho buổi họp này được nêu trong Phụ lục 1.3. Chủ đề chính của cuộc họp là:
 - Trình bày và thảo luận đề xuất dự án;
 - Quyết định thành lập Nhóm người sử dụng nước để tiến tới thành lập Tổ hợp tác;
 - Cam kết của các thành viên trong cộng đồng nộp phí đăng ký để chi phí cho các hoạt động ban đầu;
 - Bầu Ban Dự án nước lâm thời (sau đây gọi tắt là Ban lâm thời) và thỏa thuận các bước do Ban tiến hành. Thành viên Ban lâm thời cần có cả nam và nữ.
3. Sau khi được bầu Ban lâm thời sẽ tiến hành các việc sau:
 - a. Dự thảo điều lệ Tổ hợp tác cấp nước (*xem phụ lục 2.1*)
 - b. Triển khai việc lập Báo cáo đầu tư hoặc Nghiên cứu khả thi cho hệ thống cấp nước tập trung (*xem phần 3.1*)
 - c. Điều tra các nguồn vốn (*xem phần 4*)
 - d. Triệu tập cuộc họp để thành lập Tổ hợp tác (*xem phần 2.2*)
4. Ban Dự án nước sẽ chuẩn bị danh sách các hộ gia đình tham gia vào Nhóm sử dụng nước. Các thành viên sẽ ký vào danh sách và nộp phí tham gia như đã thỏa thuận trong cuộc họp. Các hộ chưa quyết định có tham gia vào nhóm sử dụng nước hay không cũng như những hộ chưa nộp tiền phí đăng ký thì cần thống nhất thời hạn muộn nhất phải quyết định và nộp tiền. Danh sách tổ viên phải đính kèm theo Biên bản cuộc họp như trong Phụ lục 1.4
5. Cuộc họp phải có Biên bản. Phụ lục 1.4 nêu một ví dụ ghi biên bản cuộc họp thành lập *Nhóm người sử dụng n- ớc*.

Ban lâm thời cần làm tờ trình gửi Đề xuất dự án lên UBND huyện và Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh đề nghị giúp đỡ và hướng dẫn các thủ tục cần thiết. Tờ trình này cần có xác nhận của UBND xã. Phụ lục 1.5 giới thiệu một tờ trình tham khảo.

Trường hợp các thành viên trong cộng đồng không thể quyết định ngay thì cần tổ chức các cuộc họp cộng đồng khác trước khi đưa ra những quyết định và cam kết cuối cùng.

Lưu ý

Vấn đề quan trọng là các tổ viên hiểu rằng họ cần đóng góp tài chính để xây dựng công trình và trong tương lai cũng sẽ chấp nhận trả tiền sử dụng nước. Nếu không rõ điều này thì họ rất khó có thể cam kết sẽ chi trả để có thể tiến hành lập Báo cáo đầu tư và các khoản khác.

PHẦN 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TỔ HỢP TÁC CẤP N- ỚC

Phần này đề cập vấn đề tổ chức Nhóm người sử dụng nước như là một Tổ hợp tác và các công việc quản lý hệ thống cấp nước. Có 5 hoạt động chính sau:

1. Chuẩn bị Điều lệ Tổ hợp tác cấp nước.
2. Họp thành lập Tổ hợp tác.
3. Đăng ký Tổ hợp tác cấp nước.
4. Xác định vai trò và trách nhiệm của các ban và nhân viên.
5. Triệu tập Đại hội tổ viên đầu tiên.

2.1 CHUẨN BỊ ĐIỀU LỆ TỔ HỢP TÁC CẤP N- ỚC

Điều lệ Tổ hợp tác quy định mối quan hệ giữa các thành viên trong tổ, đồng thời cũng là điều kiện tiên quyết để đăng ký Tổ hợp tác với các cấp có thẩm quyền. Điều lệ này phải đáp ứng các yêu cầu của Luật Dân sự Việt Nam.

(Xem điều 120-129 của Luật Dân sự Việt Nam nêu trong phụ lục 2.1)

Điều lệ Tổ hợp tác gồm có:

- Mục đích và điều kiện tham gia;
- Họ, tên, địa chỉ của tổ trưởng và các thành viên của Tổ hợp tác;
- Số tài sản đóng góp (*nếu có*) và cơ chế chia lợi nhuận giữa các thành viên trong tổ;
- Quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ trưởng và các tổ viên;
- Các điều kiện để kết nạp thành viên mới và điều kiện xin rút ra khỏi tổ hợp tác;
- Điều kiện giải thể Tổ hợp tác;
- Các thoả thuận khác.

Các hoạt động:

1. Điều lệ do Ban lâm thời soạn thảo.

Phụ lục 2.2 nêu bản Điều lệ mẫu của Tổ hợp tác cấp nước. Các Tổ hợp tác cấp nước có thể sử dụng trực tiếp bản điều lệ mẫu này. Tuy nhiên, một số điều khoản có thể phải sửa đổi cho phù hợp với nguyện vọng và quyết định cụ thể của từng Tổ hợp tác.

2. Bản Điều lệ Tổ hợp tác cấp nước sẽ được đăng ký với UBND xã sau khi các tổ viên đã nhất trí thông qua trong cuộc họp thành lập tổ.

2.2 HỢP THÀNH LẬP TỔ HỢP TÁC

Sau khi chuẩn bị xong bản Điều lệ tổ hợp tác cấp nước và Báo cáo đầu tư (*hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi*) (*xem mục 3.1*) và sau khi Ban lâm thời điều tra khả năng các nguồn vốn (*xem chương 4*) thì Ban này sẽ triệu tập cuộc họp thành lập Tổ hợp tác như quyết định của cuộc họp cộng đồng đầu tiên.

Các hoạt động:

1. Để tổ chức cuộc họp thành lập Tổ hợp tác, Ban lâm thời cần chuẩn bị kế hoạch cho các hoạt động tiếp theo sau khi thông qua bản điều lệ, hoàn tất Báo cáo đầu tư và các thoả thuận hoặc chuẩn bị tài chính. Kế hoạch gồm các nội dung sau:
 - Đăng ký tổ hợp tác cấp nước (*xem 2.3*)
 - Xin phép khoan và khai thác nước ngầm (*xem 3.1*)
 - Thiết kế chi tiết hệ thống cấp nước tập trung (*xem 3.2*)
 - Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung (*xem 3.3*)
 - Bàn giao hệ thống cấp nước tập trung (*xem 3.4*)

- Đưa hệ thống cấp nước tập trung vào hoạt động (3.5)
 - Bảo đảm huy động vốn như đã thống nhất ở cuộc họp (chương 4)
 - Tổ chức Đại hội tổ viên đầu tiên (xem phần 2.5)
2. Tổ chức cuộc họp thành lập Tổ hợp tác cấp nước. Cuộc họp này nên có sự tham gia của cả nam giới và phụ nữ, với nội dung chính sau đây:



- Trình bày, thảo luận và thông qua Điều lệ Tổ hợp tác.
- Trình bày, thảo luận và thông qua Báo cáo đầu tư/Nghiên cứu khả thi hệ thống cấp nước tập trung; Cuộc họp này sẽ uỷ quyền cho Ban lâm thời tiếp tục xúc tiến việc thiết kế chi tiết và xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cũng như huy động vốn theo trình tự nêu trong Báo cáo đầu tư/Nghiên cứu khả thi (xem mục 3.1)

- Trình bày và thảo luận về phương thức và thời gian huy động vốn, quyết định phương thức đảm bảo tài chính cho công trình.
 - Bầu ban giám sát xây dựng công trình.
3. Yêu cầu tất cả thành viên ký vào danh sách các hộ tham gia thành lập Tổ hợp tác để kèm theo Điều lệ tổ hợp tác (xem phụ lục 2.2).

2.3 ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC CẤP N- ỚC

Khi các thành viên tham gia thành lập Nhóm sử dụng nước đã ký tham gia và nộp phí gia nhập, và khi Điều lệ đã được thông qua tại cuộc họp thành lập thì Ban lâm thời sẽ đăng ký Điều lệ Tổ hợp tác cấp nước với UBND xã.

Hoạt động:

Đăng ký chuyển từ Nhóm sử dụng nước thành Tổ hợp tác cấp nước với UBND xã theo như Luật Dân sự quy định, nêu trong các điều 120 – 129 (xem phụ lục 2.1)

2.4 XÁC ĐỊNH VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA CÁC BAN VÀ NHÂN VIÊN

Trong khoảng thời gian giữa kỳ họp thành lập Tổ hợp tác và đại hội tổ viên đầu tiên, Ban lâm thời cần chuẩn bị kế hoạch quản lý chung, kế hoạch vận hành, bảo dưỡng và kế toán cho hệ thống cấp nước. Các nhiệm vụ này có thể do thành viên trong ban đảm nhận và nếu cần thì tuyển thêm một số cán bộ chuyên môn trợ giúp.

Các hoạt động:

1. Ban lâm thời cần soạn thảo bản mô tả nội dung các công việc cần triển khai. Mọi nhiệm vụ đều phải được mô tả đầy đủ, cả công việc hàng ngày và định kỳ. Ban lâm thời nên tham khảo kinh nghiệm của các Tổ hợp tác cấp nước đang hoạt động cũng như Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh, hay Trung tâm dịch vụ tư vấn huyện khi chuẩn bị bản mô tả công việc này.
2. Ngoài ra, Ban cần chuẩn bị các nội quy, quy trình về quản lý vận hành hệ thống cấp nước để có đầy đủ các quy định cần thiết cho quản lý sau khi công trình được xây dựng và bắt đầu vận hành. Một số nội dung quan trọng là:
 - Quy trình vận hành bảo dưỡng hệ thống cấp nước tập trung hàng ngày
 - Quy trình bảo dưỡng định kỳ
 - Sổ ghi chép hàng ngày về lượng nước sản xuất và phân phối
 - Theo dõi lượng nước thất thoát hàng tháng
 - Quy định các thủ tục về tài chính và kế toán:
 - Dự trù chi phí và tính toán giá nước
 - Thu phí

- Giao tiền
- Kế toán, và
- Báo cáo tài chính hàng năm

L- u ý: Sổ tay h- ớng dẫn quản lý, vận hành và các công việc hành chính của công trình cấp n- ớc tập trung nông thôn bao gồm các đề xuất và ví dụ về các quy trình, nội quy nêu trên. Ban lâm thời và Ban Quản lý hệ thống cấp nước cần tham khảo Sổ tay này khi lập kế hoạch và thực thi các nhiệm vụ.

2.5 ĐẠI HỘI TỔ VIÊN ĐẦU TIÊN

Đại hội tổ viên đầu tiên có thể tiến hành sau khi hoàn thành phần xây dựng và bàn giao công trình cho Tổ hợp tác cấp nước.

Việc ưu tiên trong cuộc họp của Ban lâm thời là dự trù chi phí cho hoạt động năm đầu tiên, lập đề xuất giá nước trong năm. (Xem h- ớng dẫn trong Sổ tay Quản lý).

Các hoạt động:

1. Chuẩn bị ngân sách cho năm tài chính đầu tiên và đề xuất về giá nước.
2. Triệu tập Đại hội tổ viên đầu tiên theo quy định của Điều lệ.

Chương trình của Đại hội tổ viên hàng năm được nêu trong Điều lệ (xem phụ lục 2.2). Trong Đại hội tổ viên đầu tiên, Ban lâm thời cần trình bày báo cáo về toàn bộ chi phí cho chuẩn bị dự án, thuê lập báo cáo đầu tư, thiết kế và xây dựng công trình cấp nước. Ban Giám sát xây dựng báo cáo về chất lượng xây dựng. Các bản báo cáo này phải được toàn thể tổ viên thảo luận và thông qua trong cuộc họp.

Hoạt động chính của Đại hội là bầu Ban quản lý hệ thống cấp nước và Ban giám sát. Thành viên trong ban quản lý có thể không phải là thành viên của Ban lâm thời. Thành phần của các Ban cần có cả nam và nữ tham gia.

3. Việc bàn giao công trình cấp nước tập trung của nhà thầu cho Tổ hợp tác nêu trong phần 3.5 dưới đây.

2.6 CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNG NGÀY

Sau khi Ban Quản lý hệ thống cấp nước được bầu chọn, ban này sẽ có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo dưỡng công trình cấp nước.

Công tác quản lý cũng bao gồm việc sắp xếp các nhóm công tác, chuẩn bị các bản mô tả công việc, xây dựng nội quy và các quy trình quản lý và vận hành.

Các vấn đề này được nêu trong Sổ tay quản lý hệ thống cấp nước tập trung nông thôn.

Xem phần 3.5: Đưa công trình cấp nước tập trung vào vận hành.

PHẦN 3

THIẾT KẾ, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP N- ỚC

Phần này bao gồm 5 bước là:

1. Chuẩn bị báo cáo đầu tư hoặc nghiên cứu khả thi
2. Chuẩn bị thiết kế chi tiết
3. Xây dựng
4. Bàn giao công trình
5. Đưa công trình vào hoạt động.

Chi tiết mỗi bước như sau:

3.1 CHUẨN BỊ BÁO CÁO ĐẦU T- HOẶC NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Ban Dự án nước phải nắm vững một số yêu cầu khi chuẩn bị cho dự án được hỗ trợ một phần vốn (*d- ới mọi hình thức và từ mọi nguồn vốn, kể cả từ các tổ chức phi chính phủ*) vì mỗi nhà tài trợ có thể sẽ có những yêu cầu về thủ tục khác nhau. Bên cạnh đó cũng cần lưu ý:

- Nếu tổng vốn đầu tư cho dự án dưới 3 tỷ đồng thì chỉ cần chuẩn bị báo cáo đầu tư. Báo cáo chi tiết hơn có thể được yêu cầu nếu phải điều tra nguồn nước.

- Nếu tổng vốn đầu tư cho dự án trên 3 tỷ đồng thì cần phải có nghiên cứu khả thi

Ban lâm thời cần phải ước tính chi phí tối đa cho công trình cấp nước dự kiến trước khi ký hợp đồng lập báo cáo đầu tư hoặc Nghiên cứu khả thi với các công ty tư vấn. Ước tính tổng vốn đầu tư này có thể nhờ Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh, hoặc chuyên gia tư vấn tính toán.

Sự khác biệt giữa bản Báo cáo đầu tư và Nghiên cứu khả thi là: Nghiên cứu khả thi trình bày thông tin chi tiết hơn Báo cáo đầu tư. Phụ lục 3.1a và 3.1b giới thiệu nội dung chi tiết của từng báo cáo.

Dưới đây thuật ngữ *Báo cáo đầu tư* thường được sử dụng vì dự kiến đa số hệ thống cấp nước tập trung nông thôn sẽ có tổng vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng.

Cần chú ý rằng giới hạn 3 tỷ thì chỉ cần Báo cáo đầu tư cũng chỉ có hạn đến tháng 12 năm 2003, điều này Chính phủ còn có thể tiếp tục thay đổi.

Mục đích của Báo cáo đầu tư là nêu các thông tin cơ bản về công trình cấp nước tập trung dự định xây dựng. Báo cáo cũng bao gồm đánh giá về nguồn nước, loại hình cấp nước, quy mô công trình, tổng vốn đầu tư và nguồn vốn.

Báo cáo đầu tư phải do các chuyên gia tư vấn có đủ tư cách pháp nhân chuẩn bị. Các cán bộ huyện và Trung tâm NS&VSMTNT có thể cung cấp danh sách các chuyên gia tư vấn này.

Nếu nguồn nước là từ nước ngầm thì có thể lấy thông tin từ Trung tâm NS&VSMTNT hoặc các sở quản lý nguồn nước và công trình thủy lợi. Nếu cần thiết thì có thể khoan thử để biết trữ lượng nước và chất lượng nước ngầm tại khu vực đó. Tất cả những việc này phải do chuyên gia tư vấn thực hiện. Ban lâm thời cần xin được giấy phép khoan và khai thác nước ngầm.

Nội dung chính cần nêu trong báo cáo đầu tư gồm:

- Khung pháp lý;
- Lý do đầu tư;
- Loại hình đầu tư (*xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp*);
- Chủ đầu tư;
- Nguồn nước;
- Mô tả công trình cấp nước tập trung (*hệ thống mạng l- ới, thiết bị, nhà x- ưởng*);
- Địa điểm và mặt bằng cần thiết (*dành cho nhà x- ưởng, bể chứa n- ớc*);
- Ước tính chi phí xây dựng công trình

- Ước tính giá nước
- Vốn đầu tư và nguồn vốn;
- Thời gian khởi công và thời gian hoàn thành công trình.



Các hoạt động:

1. Ban lâm thời sẽ ký hợp đồng với các chuyên gia tư vấn đã chọn để chuẩn bị Báo cáo đầu tư. Mẫu hợp đồng lập Báo cáo đầu tư được giới thiệu trong phụ lục 3.2.
2. Trong trường hợp nguồn nước sử dụng cho công trình cấp nước là nước ngầm, Ban lâm thời cần xin giấy phép khoan và khai thác nước theo quy định của tỉnh. Giấy phép này tùy theo tỉnh có thể do sở NN&PTNT hoặc Sở Tài nguyên và môi trường cấp. Mẫu đơn xin khai thác nước được giới thiệu trong phụ lục 3.3.
3. Ban Dự án nước làm việc với xã để xin giao đất xây dựng công trình cấp nước (nếu xin đất công). Trường hợp dân tự nguyện hiến đất hoặc cho thuê đất thì phải có văn bản cam kết đồng ý cho sử dụng đất. Phụ lục 3.4 giới thiệu một mẫu đơn tự nguyện hiến đất của cá nhân để xây dựng công trình.

4. Chuyên gia tư vấn sẽ chuẩn bị Báo cáo đầu tư. Ban lâm thời và các thành viên Tổ hợp tác trả lời các câu hỏi và cung cấp các thông tin liên quan cho chuyên gia tư vấn. Tùy theo tình hình cụ thể của địa phương, chuyên gia tư vấn có thể phải nêu thêm một vài phương án công nghệ
5. Sau khi nhận được Báo cáo đầu tư do chuyên gia tư vấn lập, Ban lâm thời phải xem xét kỹ lưỡng nội dung báo cáo và cùng với tư vấn xác định những vấn đề cần thiết. Ban lâm thời nên đề nghị Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh hoặc người có trình độ chuyên môn giúp đỡ xem xét báo cáo. Các vấn đề cần xem xét bao gồm:
 - Nguồn nước: trữ lượng nước và chất lượng nước.
 - Cần xử lý thành phần gì trong nước và chất lượng nước sau xử lý có đạt tiêu chuẩn không?
 - Công nghệ đã lựa chọn có phù hợp với khả năng quản lý và vận hành bảo dưỡng của tổ không, có khả năng chi trả không?
 - Công suất thiết kế có đáp ứng được nhu cầu và có khả năng mở rộng không?
 - Vị trí mặt bằng, đất có đáp ứng được các yêu cầu cho xây dựng không?
 - Tổng chi phí xây dựng và chi phí sản xuất 1m³ nước có thể chấp nhận được không? So sánh với ước tính ban đầu của những người khởi xướng.
 - Thời gian dự kiến xây dựng và hoàn thành công trình có hợp lý không?
6. Báo cáo đầu tư cần được trình bày tại cuộc họp thành lập Tổ hợp tác cấp nước (xem phần 2.2). Sau khi toàn tổ thảo luận, Ban lâm thời sẽ đề nghị các tổ viên ra quyết định về việc tiếp tục triển khai công việc cần thiết để xây dựng một hệ thống cấp nước tập trung.
7. Ban lâm thời làm các thủ tục cần thiết để các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đầu tư.
8. Các thành viên Tổ hợp tác quyết định những công việc cần được triển khai tiếp theo. Dựa trên quyết định này, Ban lâm thời sẽ ký hợp đồng với tư vấn về thiết kế chi tiết cho công trình. Đồng thời tổ sẽ uỷ quyền cho Ban lâm thời xúc tiến việc ký hợp đồng thi công công trình cấp nước tập trung dựa trên bản thiết kế chi tiết với một nhà thầu xây dựng, **tổng chi phí không vượt quá 10% (hoặc theo quyết định của toàn tổ) tổng dự trù chi phí xây dựng nêu trong báo cáo đầu tư.**

3.2 CHUẨN BỊ THIẾT KẾ CHI TIẾT

Thiết kế kỹ thuật chi tiết cho công trình cấp nước tập trung được lập dựa trên Báo cáo đầu t- hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi.

Cần chú ý sử dụng các thiết kế mẫu để giảm chi phí thiết kế. Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh và các cơ quan chuyên môn khác có thể cung cấp các thiết kế mẫu này.

Thường khả thi và thực tế nhất là đề nghị tư vấn đã lập Báo cáo đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi lập thiết kế chi tiết. Hợp đồng thuê tư vấn sẽ bao gồm phần tham gia chuẩn bị hợp đồng với nhà thầu, chọn nhà thầu và giám sát công việc trong giai đoạn xây dựng. Khi có thể thì 3 nhà thầu cần được mời tới làm việc dựa trên hồ sơ thầu.

Thiết kế chi tiết bao gồm:

- Mặt bằng tổng thể công trình, vị trí nguồn nước, bơm, bể chứa, nhà xử lý, đường ống chính, đường phân phối, v.v.
- Bản vẽ chi tiết của từng hạng mục như: trạm bơm, bể chứa, nhà, hàng rào, mạng đường ống chính và ống nhánh, mắc nước vào hộ gia đình, bố trí thiết bị, van và đồng hồ.
- Bản thuyết minh về toàn bộ công trình và từng hạng mục, thiết bị.

Chú ý: Thiết kế chi tiết cần bao gồm đồng hồ tổng để đảm bảo có thể theo dõi l- ượng n- ớc thất thoát qua so sánh l- ượng n- ớc sản xuất với l- ượng n- ớc trên hoá đơn.

- Bản thống kê vật liệu, đơn giá và dự toán công trình.

Các hoạt động:

1. Ban lâm thời ký hợp đồng với tư vấn chuẩn bị thiết kế chi tiết và giám sát quá trình xây dựng công trình. Mẫu hợp đồng được giới thiệu trong Phụ lục 3.5.
2. Ban lâm thời có trách nhiệm cung cấp mọi thông tin cần thiết cho tư vấn.
3. Ban lâm thời cần xem xét cẩn thận bản thiết kế chi tiết, dự toán công trình và nên đề nghị Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh hoặc người có trình độ chuyên môn giúp đỡ xem xét báo cáo. Cần tập trung vào những vấn đề sau:
 - Các thiết bị như bơm, đồng hồ, van có đảm bảo phù hợp, dễ vận hành bảo dưỡng và có sẵn trên thị trường hay không?
 - Các hoá chất lựa chọn cho xử lý nước có dễ kiếm và dễ sử dụng hay không?
 - Thiết kế mạng đường ống chính có đáp ứng được yêu cầu của dân không? có đặt các van ở các đường ống nhánh không? Nếu cần thiết thì có thể mở rộng được hay không?
 - Thời gian xây dựng có hợp lý hay không?
 - Tổng dự toán của công trình có nằm trong khả năng vốn đã thống nhất tại cuộc họp thành lập Tổ hợp tác không?

Nếu tất cả các câu hỏi trên đều được giải đáp thoả đáng, Ban lâm thời có thể tiến tới làm hợp đồng với một hoặc nhiều nhà thầu để xây dựng công trình.

3.3 XÂY DỰNG

Xây dựng hệ thống cấp nước phải tuân theo bản thiết kế chi tiết. Ban lâm thời cùng với tư vấn thiết kế chuẩn bị hợp đồng với nhà thầu (đã được chọn hoặc chỉ định.)

Hợp đồng phải nêu rõ những việc do tổ viên tự làm (ví dụ như việc mắc nước vào hộ và đảm nhận phần đào đắp khi đặt mạng đường ống phân phối).

Ban Dự án nước có thể quyết định ký hợp đồng trọn gói, hoặc có thể chia thành từng phần và ký riêng với từng nhà thầu. Việc xây dựng thông thường có thể chia thành những phần như sau:

- Khoan giếng
- Xây dựng điểm thu nước, trạm bơm, bể lọc, bể nước, tháp nước, nhà trạm và hàng rào.
- Cung cấp và lắp đặt thiết bị bơm, van, đồng hồ và hệ thống điện
- Hệ thống phân phối gồm đường ống chính, đường ống phân phối, đồng hồ, đường kết nối cho từng hộ dân, bể nước.

Đối với công trình cấp nước quy mô lớn thì có thể phải tổ chức đấu thầu. Ban lâm thời cần làm việc với các cơ quan chức năng để được hướng dẫn.

Khi đã lựa chọn được nhà thầu thì Ban lâm thời và tư vấn sẽ soạn thảo hợp đồng, hợp đồng được ký giữa hai bên. Hợp đồng phải nêu rõ khối lượng công việc, thời gian thi công và điều kiện thanh toán.

Như đã nêu trong phần 2.2, trong cuộc họp thành lập Tổ hợp tác, các thành viên sẽ bầu ra một ban giám sát thi công để cùng với tư vấn giám sát chất lượng, khối lượng công việc và tiến độ thực hiện xây dựng theo đúng hợp đồng đã ký. Thành viên của ban giám sát nên là những người có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực điện, cơ khí và xây dựng. Nhân viên giám sát có thể sẽ là những người tham gia vận hành và bảo dưỡng hệ thống khi công trình hoàn thành.



Các hoạt động:

1. Ban lâm thời cùng với chuyên gia tư vấn lựa chọn/chỉ định (các) nhà thầu xây dựng công trình cấp nước tập trung. UBND huyện, trung tâm NS & VSMTNT tỉnh và các cơ quan có liên quan khác có thể cung cấp thông tin về các công ty xây dựng có đủ năng lực và uy tín trong vùng.
2. Ban lâm thời và tư vấn sẽ chuẩn bị hợp đồng xây dựng. Hợp đồng sẽ nêu rõ những phần việc do địa phương tự làm, hoặc các hộ sử dụng nước đảm nhiệm. Một ví dụ về hợp đồng được nêu trong Phụ lục 3.6.
3. Nhà thầu được lựa chọn sẽ tiến hành thi công công trình.
4. Các tổ viên đóng góp theo nội dung đã thoả thuận tại cuộc họp thành lập tổ hợp tác và theo quy định trong hợp đồng đã ký với nhà thầu. Điều quan trọng là các tổ viên phải thực hiện công việc theo đúng thời gian nêu trong kế hoạch vì việc chậm trễ có thể sẽ phải thanh toán bổ sung cho nhà thầu nếu ảnh hưởng đến tiến độ công việc của họ.
5. Ban giám sát thi công và chuyên gia tư vấn chịu trách nhiệm giám sát công việc trong quá trình thực hiện. Cần đặc biệt chú trọng khâu xây dựng vì sẽ có những phần việc không trực tiếp theo dõi được và sau này cũng không thể kiểm tra được. Cần khuyến khích các hộ tham gia giám sát công việc thi công trong khu vực nhà mình.
6. Thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng.

Khi phần xây dựng đã hoàn tất, công trình cấp nước tập trung sẽ được bàn giao lại cho Tổ hợp tác cấp nước như mô tả dưới đây.

3.4 BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

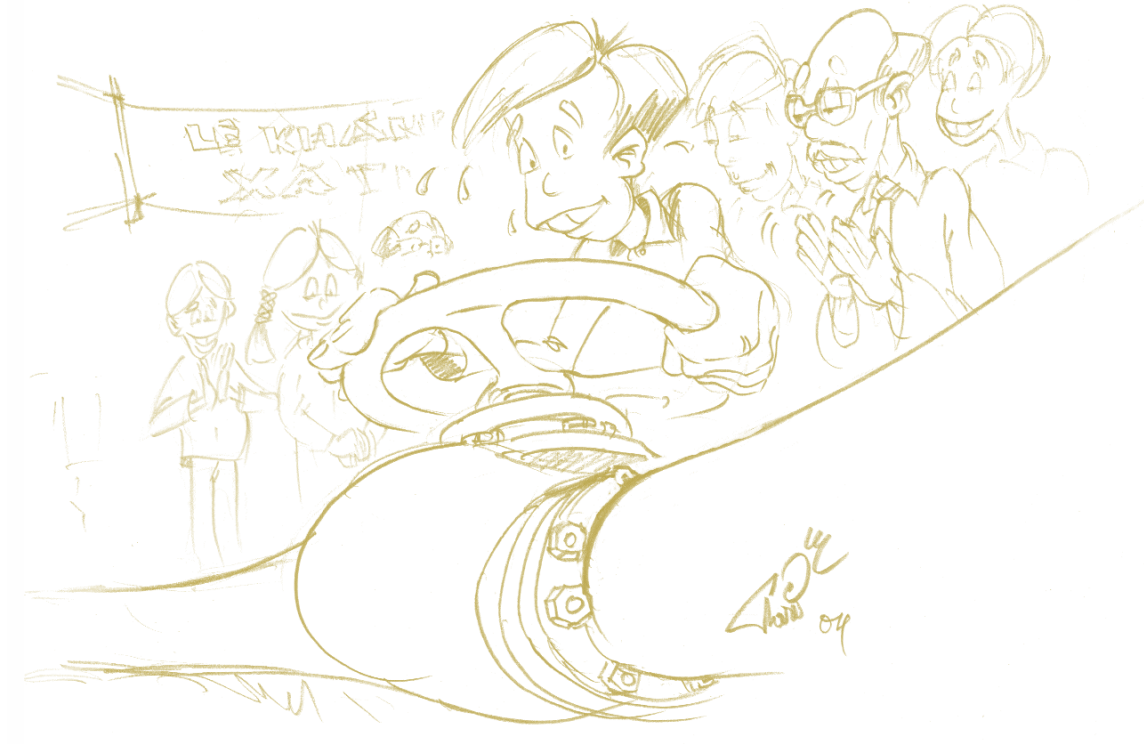
Việc bàn giao công trình cấp nước tập trung từ nhà thầu sang Tổ hợp tác cấp nước quản lý được tiến hành theo như quy định tại hợp đồng, bao gồm: vận hành thử toàn bộ hệ thống, bàn giao lại sổ tay vận hành và bảo dưỡng và các tài liệu khác do nhà thầu biên soạn. Ngoài ra nhà thầu phải tổ chức tập huấn cho một số tổ viên về vận hành và bảo dưỡng công trình.

Hợp đồng cần có một điều khoản nêu rõ nhà thầu phải bảo hành công trình ít nhất một năm.

Các hoạt động:

1. Vận hành thử. Phạm vi của việc vận hành thử cần được nêu rõ trong hợp đồng.
2. Nhà thầu tổ chức tập huấn cho các nhân viên của Tổ hợp tác cấp nước về vận hành và bảo dưỡng công trình. Ban Dự án nước cần cử thêm nhân viên tham gia tập huấn để đảm bảo có nhân viên vận hành thay thế khi cần.
3. Nhà thầu bàn giao sổ tay vận hành và bảo dưỡng, các bản vẽ hoàn công, cùng thông số kỹ thuật, v.v...
4. Khi hoàn tất quá trình bàn giao, phải ký kết biên bản bàn giao. Mẫu biên bản bàn giao được nêu trong Phụ lục 3.7.
5. Ban lâm thời cần lập hồ sơ lưu trữ về quá trình thành lập Tổ hợp tác cấp nước và xây dựng công

trình cấp nước tập trung. Những loại tài liệu này sẽ rất có giá trị cho những nhiệm vụ trong tương lai, chẳng hạn trong việc sửa chữa lớn hoặc mở rộng công trình. Phụ lục 3.8 liệt kê nội dung chính của hệ thống hồ sơ lưu.



3.5 Đ- A CÔNG TRÌNH VÀO HOẠT ĐỘNG

Khi công trình đã được bàn giao cho Tổ hợp tác cấp nước, công trình sẽ được đưa vào hoạt động để cung cấp nước cho các tổ viên.

Việc quản lý, vận hành và bảo dưỡng công trình sẽ được giới thiệu trong Sổ tay quản lý hệ thống cấp nước tập trung. Như đã trình bày tại phần 2.4, Ban Dự án nước cần đảm bảo hệ thống được đưa vào vận hành suôn sẻ từ ngày đầu tiên. Nhiệm vụ của Ban quản lý nước (được bầu tại đại hội xã viên đầu tiên) là đảm bảo việc vận hành tốt hệ thống.

Các hoạt động:

1. Xây dựng bản mô tả công việc và quy trình vận hành và bảo dưỡng công trình cấp nước tập trung.
2. Đảm bảo tập huấn cho thợ vận hành và các cán bộ kỹ thuật.
3. Tổ chức thực hiện vận hành và bảo dưỡng theo quy trình đã thống nhất.

Để biết thêm chi tiết, *Sổ tay quản lý công trình cấp n- ớc tập trung nông thôn*.

PHẦN 4

CUNG CẤP TÀI CHÍNH CHO HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN

Vấn đề tài chính cần được đưa ra bàn bạc ngay từ những cuộc họp đầu tiên khi quyết định xây dựng hệ thống cấp nước.

Về nguyên tắc, người sử dụng sẽ chi trả tất cả chi phí xây dựng và vận hành hệ cấp nước tập trung. Tuy nhiên, trong thực tế cũng có thể được trợ cấp một khoản nào đó để xây dựng hệ thống cấp nước tập trung. Ngay giai đoạn đầu, Ban Dự án nước nên thăm dò xem tỉnh có khả năng tài trợ không và tìm hiểu các điều kiện kèm theo các điều khoản tài trợ đó.

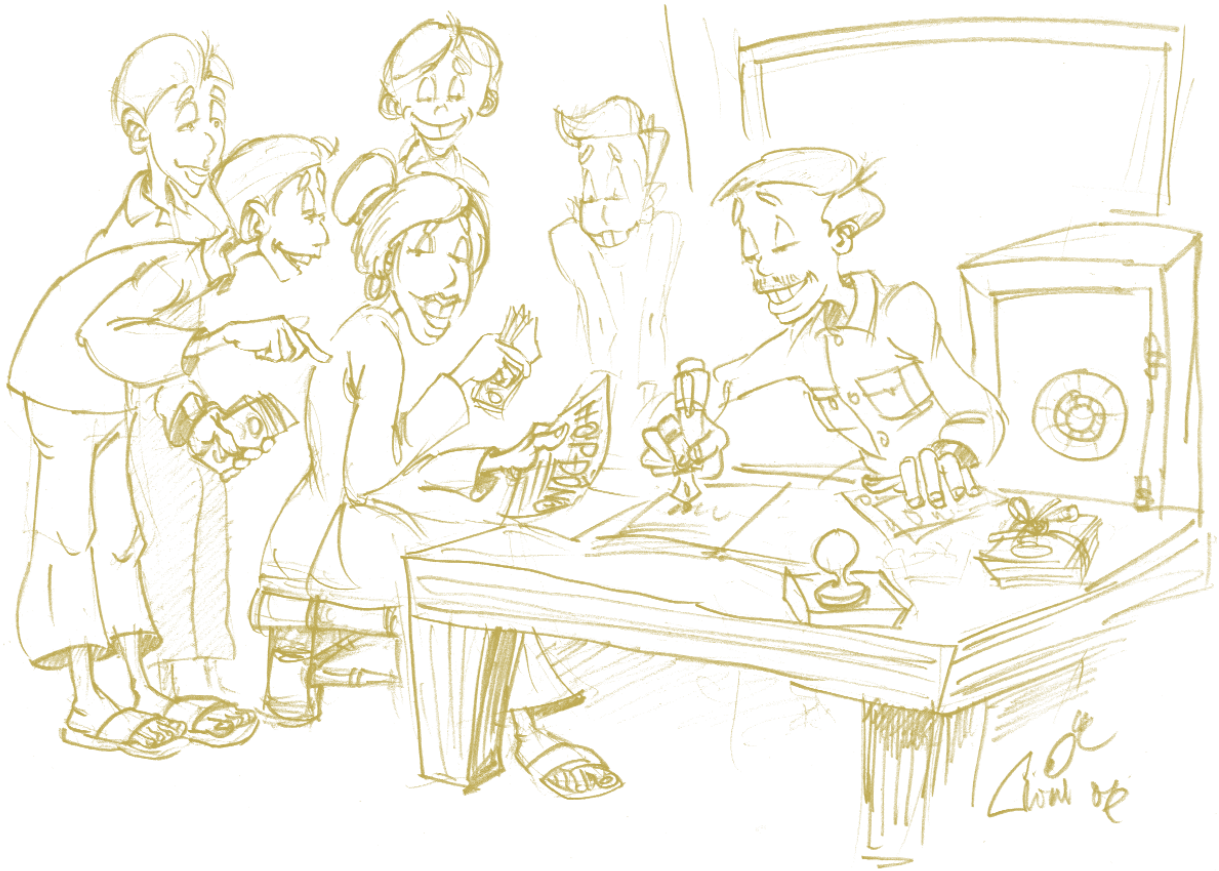
Người sử dụng nước phải trả các chi phí quản lý, vận hành bảo dưỡng hệ thống cấp nước tập trung thông qua tiền nước hàng tháng của các hộ dùng nước dựa theo mức tiêu thụ của họ.

Khả năng đóng góp của các thành viên để xây dựng một công trình cấp nước tập trung rất khác nhau giữa các vùng. Vì vậy, một khi người dân dự định xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho thôn (xã) mình thì phải chuẩn bị kế hoạch tài chính cụ thể của mình để chứng minh khả năng đóng góp của cộng đồng, và tài chính của địa phương và các khả năng trợ cấp khác.

Cần tìm hiểu kỹ về cơ chế và chính sách trợ cấp cho các hộ nghèo.

Các nguồn tài chính chủ yếu là:

- Đóng góp của dân bằng tiền mặt và hiện vật
- Ngân sách nhà nước của tỉnh/huyện
- Hỗ trợ của các tổ chức quốc tế kể cả các tổ chức phi chính phủ
- Đầu tư của tư nhân
- Vốn vay/tín dụng từ ngân hàng



4.1 ĐÓNG GÓP CỦA DÂN

Như đã nêu, về cơ bản người dân sẽ phải chi trả toàn bộ chi phí xây dựng và vận hành công trình cấp nước tập trung. Trường hợp một số địa phương được trợ cấp một phần cho xây dựng thì người dân vẫn phải chi trả phần lớn các chi phí cho xây dựng và quản lý vận hành.

Người dân có thể đóng góp bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Đóng góp dưới hình thức lao động để xây dựng công trình có thể giảm đáng kể chi phí trực tiếp.

Người dân sẽ đóng góp phí gia nhập hoặc phí đăng ký khi cùng nhau quyết định thiết lập hệ thống cấp nước và Tổ hợp tác cấp nước. Điều này không chỉ thể hiện sự cam kết của người dân với dự án mà thực tế còn để chi trả các chi phí cần thiết ban đầu, ví dụ như lập Báo cáo đầu tư hoặc Nghiên cứu khả thi.

Hiện nay Tổ hợp tác chưa được vay vốn từ ngân hàng hoặc từ các cơ quan tài chính khác. Tuy nhiên, Ban Dự án nước có thể thay mặt cho các thành viên thương lượng một thoả thuận chung với Ngân hàng để sau đó họ làm đơn vay cá nhân theo thoả thuận chung.

Nếu Ban Dự án nước thay mặt cho các tổ viên dự định làm một thoả thuận chung với Ngân hàng thì cần phải đề cập ngay trong Nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo đầu tư vì có thể ngân hàng có những yêu cầu đặc biệt liên quan đến các báo cáo này (Xem mục 3.1).

4.2 CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH KHÁC VÀ KHẢ NĂNG TRỢ CẤP

Theo Chiến lược Quốc gia Cấp nước và Vệ sinh nông thôn, Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần vốn cho các công trình cấp nước tập trung thông qua các nguồn tài chính có sẵn. Cơ chế hỗ trợ vốn thay đổi theo đặc điểm và điều kiện của từng vùng. Những vùng rất nghèo và các khu vực đặc biệt khó khăn về kỹ thuật sẽ được trợ cấp nhiều hơn các vùng khác. Các hộ nghèo cũng sẽ được trợ cấp nhiều hơn các hộ giàu và các hộ khá giả.

Ban lâm thời sẽ kiểm tra những nguồn hỗ trợ cụ thể nào có thể có ở địa phương hoặc ở huyện. Các thông tin liên quan có thể lấy từ các tổ chức quần chúng, Trung tâm dịch vụ tư vấn cấp nước và vệ sinh huyện hoặc Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh.

Ban Dự án nước cũng nên kiểm tra các nguồn trợ cấp dự kiến trước khi lập Nghiên cứu khả thi cho hệ thống cấp nước tập trung vì mỗi nguồn có thể có những yêu cầu đặc biệt để hoàn tất thủ tục hỗ trợ vốn.

Các hoạt động:

1. Khi chuẩn bị đề xuất xin dự án, các tuyên truyền viên phải tìm hiểu kỹ các khả năng hỗ trợ vốn để thông tin cho nhóm sử dụng nước hoặc các thành viên.
2. Những khả năng này nên đưa ra thảo luận ngay buổi họp đầu tiên và các thành viên nên trình bày quan điểm của mình. Nên nhớ rằng cơ quan cấp tài chính, kể cả Nhà nước, có thể có những yêu cầu đặc biệt về chuẩn bị nghiên cứu khả thi.
3. Ban Dự án nước sẽ tiến hành trước tiên các thoả thuận huy động vốn như đã nhất trí ở cuộc họp thành lập.

PHỤ LỤC 1.1

GIỚI THIỆU TÓM TẮT VỀ CÁC HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN

HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TỰ CHẢY

Nguồn nước được lấy trực tiếp từ mạch lộ (nước ngầm) hoặc nước khe, suối (nước mặt) ở trên các vị trí cao sau khi được tập trung xử lý sơ bộ ở các công trình đầu mối nước được dẫn xuống các khu vực dân cư ở phía dưới bằng trọng lực theo các đường ống dẫn kín bằng nhựa HDPE, PVC hoặc sắt tráng kẽm. Các điểm dùng nước là các cụm vòi hoặc các bể nhỏ đặt tại các cụm dân cư hoặc dẫn đến từng hộ gia đình.

Đập ngăn và bể lọc là cấu trúc chính của một hệ thống sử dụng nước suối và giếng đối với nước mạch lộ.

Trong trường hợp sử dụng nước suối, lá cây rụng và đất đá vỡ đọng tích lại ... có thể gây tắc nghẽn các điểm hút nước, do đó, điểm thu nước suối cần phải có lưới hoặc biện pháp thích hợp để loại bỏ các vật này.

Quy mô một hệ cấp nước tự chảy phụ thuộc vào lưu lượng nguồn nước, chênh lệch độ cao, khoảng cách đến các điểm dân cư và mật độ dân số.

Loại công trình này phổ biến nhất ở Miền núi phía bắc Tây Nguyên và rất thích hợp ở những nơi có mật độ dân cư nhỏ đến trung bình, thu nhập của người dân thấp.

- **Khó khăn**

- Xói lở sụp đổ “giếng mạch lộ thiên” hay “đập ngăn ở suối” do thiết kế sai, lỗi trong xây dựng và các dòng nước lớn chảy trên bề mặt và tiêu nước do con người hay súc vật gây ra, lũ lụt,...
- Rò rỉ ở giếng mạch lộ, đập ngăn, các vòi xả, đường ống, van do bị xói lở hay chất lượng xây dựng kém.
- Nhiễm bẩn nguồn nước mạch lộ hay nước suối do nút ở các chỗ gấn hoặc do các hành vi bất cẩn của con người.

- **Hạn chế**

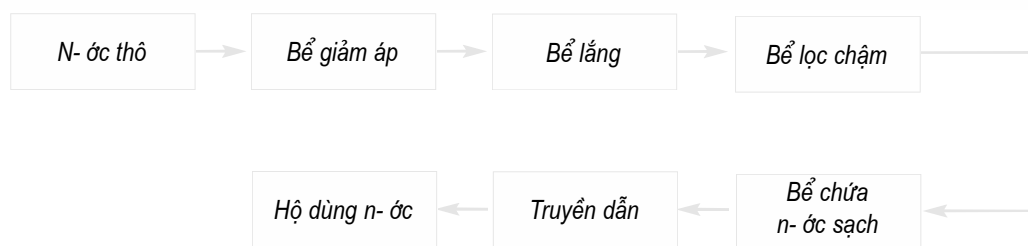
- Có thể không đủ nước để đáp ứng nhu cầu nước của người dân tại một số thời điểm trong năm.

- Không phải tất cả các mạch lộ đều cho nước sạch có chất lượng và một số nguồn nước mạch lộ có tính ăn mòn rất cao.
- Các điểm lấy nước từ suối hay mạch lộ có thể xa các hộ gia đình do đó làm tăng chi phí xây dựng và vận hành bảo dưỡng.

● **Ưu và nhược điểm**

Ưu điểm	Nhược điểm
- Không cần năng lượng để vận hành hệ thống cấp nước tự chảy. Nước có thể được cung cấp thường xuyên trong cả ngày và đêm.	- Cả mạch lộ và suối có thể không cung cấp đủ nước vào mùa khô.
- Chi phí vận hành và bảo dưỡng nhỏ hơn so với hệ thống cần năng lượng (<i>giá n- ớc th- ờng thấp hơn so với hệ bơm dẫn</i>).	- Chất lượng nước có thể không đảm bảo để làm nước uống nếu không được xử lý.
- Công tác vận hành và bảo dưỡng một hệ thống cấp nước tự chảy đơn giản hơn so với hệ thống dùng máy bơm dẫn.	- Trong trường hợp hệ thống nằm xa cộng đồng dân cư, chi phí xây dựng hệ thống khá cao.
- Phù hợp với phong tục tập quán sử dụng nước của đồng bào dân tộc ít người.	- Tùy thuộc vào loại vật liệu được sử dụng, chi phí ban đầu có thể cao và như vậy sẽ nằm ngoài khả năng về tài chính của các hộ nghèo (<i>Nhà n- ớc cần hỗ trợ</i>).

Sơ đồ dây chuyền công nghệ cấp n- ớc hệ tự chảy:



HỆ THỐNG CẤP N- ỚC BẰNG BƠM DẪN

Nguồn nước được lấy từ nước sông, hồ (nước mặt), các loại giếng khoan, giếng đào (*n- ớc ngầm*) qua hệ thống xử lý và được bơm dẫn theo đường ống đến các hộ dân nhờ máy bơm áp lực.

Quy mô của hệ thống phụ thuộc vào lưu lượng nguồn nước và số dân sử dụng.

Loại công trình này phổ biến nhất ở vùng đồng bằng và rất thích hợp ở những nơi có mật độ dân số cao, thu nhập của người dân trung bình hoặc khá.

Hiện nay ở vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long có nhiều loại giếng khoan đường kính nhỏ nhưng chưa sử dụng hết công suất, hoặc nối mạng nhiều giếng qua hệ thống xử lý (hoặc không xử lý) tạo thành một hệ bơm dẫn quy mô nhỏ cung cấp cho hàng chục hộ gia đình rất hiệu quả.

● **Khó khăn**

- Độ đục, hàm lượng sắt, mangan quá cao trong nước thô so với thiết kế có thể hay gây tắc các bể lọc.
- Rò rỉ trong các cấu trúc của công trình (ví dụ: ngăn lọc, bể chứa), rò rỉ ở các vòi khai thác, các ống van,...do chất lượng xây dựng công trình kém.
- Nhiễm bẩn nguồn nước sông suối do các hoạt động sản xuất của con người.
- Giếng khoan bị sập hay rò rỉ bùn do chất lượng xây dựng không đạt tiêu chuẩn.
- Lượng nước bị thất thoát lớn do rò rỉ hoặc lấy trộm nước, hoặc vận hành bảo dưỡng không hợp lý.

● **Giới hạn**

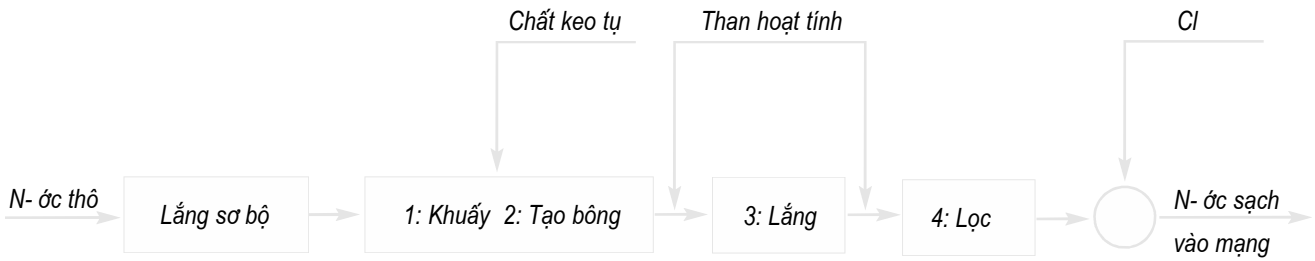
- Có thể không đủ nước để đáp ứng nhu cầu của cả cộng đồng.
- Không phải tất cả các giếng khoan và sông suối đều cho nước sạch đạt chất lượng và mùi vị theo yêu cầu, đặc biệt trong nước ngầm hàm lượng sắt, mangan thường vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
- Chi phí vận hành bảo dưỡng có thể vượt quá khả năng về tài chính của người sử dụng.

● **Ưu và nhược điểm**

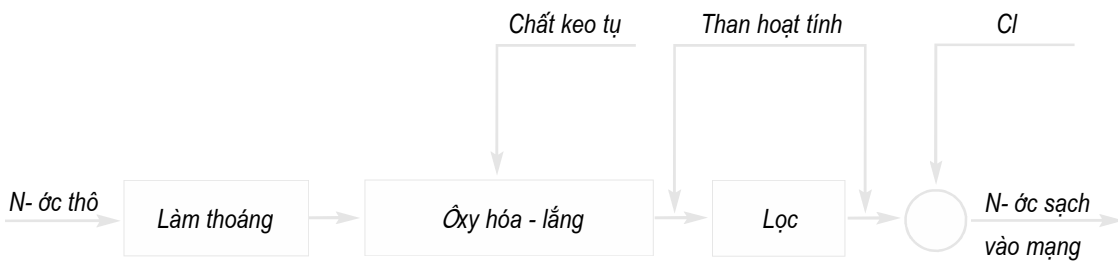
Ưu điểm	Nhược điểm
- Nguồn nước cấp từ giếng khoan an toàn và đủ tin cậy	- Công tác vận hành và bảo dưỡng hệ thống cấp nước tập trung dùng bơm đòi hỏi kỹ năng nhiều hơn các loại hệ thống khác.
- Hầu hết cộng đồng trong một thôn, xóm hoặc toàn xã đều có thể được cấp nước từ một hệ thống tập trung dùng bơm dẫn.	- Chất lượng nước sông, suối bị ảnh hưởng rất lớn trong mùa mưa do sự vận chuyển phù sa. Đặc biệt là chịu ảnh hưởng lớn bởi các hoạt động của con người.
- Cơ hội mở rộng hệ thống cấp nước tập trung dùng bơm là lớn hơn nhiều so với các hệ thống khác.	- Tùy thuộc vào loại hình vật liệu hay thiết bị sử dụng, chi phí ban đầu có thể cao và như vậy sẽ nằm ngoài khả năng tài chính của các hộ nghèo.
- Bảo vệ nguồn nước, giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường, đặc biệt là môi trường nước ngầm do giảm được số lượng các lỗ khoan lẻ. Rất phù hợp với vùng tập trung đông dân cư.	- Chi phí thường xuyên cho quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thường cao và có thể cần những khoản đầu tư lớn khi tiến hành sửa chữa lớn và thay thế thiết bị.

Hệ bơm dẫn

Với trạm n- ớc dùng n- ớc mặt:



Với trạm nước dùng nước ngầm:



PHỤ LỤC 1.2

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN THIẾT LẬP NHÓM NG- ỜI SỬ DỤNG N- ỚC ĐỂ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN

Mục đích của việc đề xuất dự án là giới thiệu với cộng đồng trong cuộc họp đầu tiên về việc thiết lập nhóm người sử dụng nước nhằm xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, trong cuộc họp này cộng đồng sẽ quyết định có thiết lập nhóm sử dụng nước hay không.

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung đề xuất. Khi chuẩn bị đề xuất cần tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng, cá nhân, đoàn thể như Trung tâm NSHVSNT tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh, các cơ quan chức năng của huyện, xã, ngân hàng và các nhóm người sử dụng nước đang hoạt động.

PHẦN GIỚI THIỆU

Viết tên người đã chuẩn bị bản đề xuất, những người đã hỗ trợ hoặc tư vấn việc chuẩn bị đề xuất dự án.

1. Khu vực được cấp nước: mô tả khu vực được xây dựng công trình cấp nước tập trung và thể hiện vị trí trên bản đồ.

2. Nguồn nước:

Mô tả về nguồn nước khai thác là nước giếng, nước sông hay giếng khoan...

Cần những giấy phép gì để có thể khai thác nước và khả năng nhận giấy phép

Chất lượng nước khai thác như thế nào, đã được qua kiểm nghiệm chưa, nếu đã kiểm nghiệm thì cần đưa ra kết quả.

3. Lựa chọn công nghệ:

Đã từng xem xét một loại hình công nghệ nào khác chưa, nếu có xin nêu lý do tại sao lựa chọn loại hình công nghệ đề xuất

Loại hình đề xuất thuộc loại nào: công trình tự chảy hay công trình bơm dẫn. Trong đề xuất có nêu việc đưa nước lên tháp không. Nêu loại hình xử lý nước nếu có.

Công suất của công trình đề xuất như thế nào và khả năng mở rộng hệ thống nếu nhu cầu phát sinh.

4. Số hộ gia đình trong khu vực có thể được cấp nước:

Có bao nhiêu hộ có khả năng được kết nối và bao nhiêu hộ dự kiến kết nối đầu tiên.

5. Chi phí ước tính để xây dựng một công trình cấp nước tập trung: tổng chi phí dự kiến xây dựng công trình tập trung và chi phí kết nối cho từng hộ.

6. Chi phí dự kiến cho từng hộ: chi phí của từng hộ phụ thuộc vào số lượng người tham gia dự án. Chi phí của một hộ gia đình cần phải được thông báo với tổ viên và phải chia thành hai phần cho chi phí xây dựng công trình và chi phí kết nối hộ gia đình.

7. Dự tính giá nước trong tương lai: Bên cạnh chi phí trực tiếp xây dựng công trình thì tổ viên sẽ phải trả chi phí vận hành công trình. Việc chi trả này dựa trên mức tiêu thụ thực tế qua đồng hồ của các hộ gia đình. Giá nước sẽ phụ thuộc vào chi phí vận hành bảo dưỡng công trình trong tương lai cũng như các chi phí hành chính bao gồm việc ghi thu hàng tháng. Giá nước sẽ phải đủ để chi trả cho mọi hoạt động của công trình cũng như quỹ dự phòng cho sửa chữa lớn và những khoản đột xuất khác.

8. Khả năng tài chính: Khả năng tài chính xây dựng công trình cần phải được làm rõ khi chuẩn bị đề xuất. Cần tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng địa phương bao gồm Trung tâm NSVSNT tỉnh và chú trọng tới việc hỗ trợ đặc biệt về tài chính cho các hộ nghèo.

9. Những đề xuất cho quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống cấp nước tập trung: Đề xuất cần bao gồm phần gợi ý làm sao để thiết lập Nhóm người sử dụng nước. Vấn đề quản lý, vận hành và kế toán cũng cần nêu rõ như liệt kê các công việc liên quan, những việc đòi hỏi phải tuyển thêm cán bộ hoặc thành viên ban quản lý tham thực hiện các công việc.

10. Dự kiến thời gian xây dựng hệ thống cấp nước tập trung: Bản đề xuất cần nêu kế hoạch thiết lập nhóm người sử dụng nước và xây dựng công trình. Các bước chính của quá trình cần được giải thích rõ và thời gian ước tính.

PHỤ LỤC 1.3**Mẫu: Chương trình làm việc dự kiến cho cuộc họp cộng đồng đầu tiên**

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA CUỘC HỌP CỘNG ĐỒNG ĐẦU TIÊN

1. Trình bày đề xuất dự án;
1. Thảo luận về đề xuất;
1. Quyết định thành lập nhóm người sử dụng nước như là Tổ hợp tác nhằm xây dựng hệ thống cấp nước tập trung đã được dự kiến;
1. Cam kết của các hộ gia đình đóng góp phí tham gia;

(Lưu ý: Cuộc họp sẽ thống nhất phí tham gia do từng hộ trả khi đăng ký làm thành viên. Mục đích của phí này nhằm giúp cho nhóm có thể chi trả cho những chi phí ban đầu, đặc biệt là việc chuẩn bị nghiên cứu khả thi. Thủ tục đăng ký và chi trả phí sẽ được cuộc họp quyết định.)
5. Bầu Ban Dự án nước lâm thời và trưởng ban của Nhóm người sử dụng nước;
6. Đề nghị Ban Dự án nước lâm thời:
 - a. Đăng ký thành viên của nhóm người sử dụng nước và thu phí tham gia như đã quyết định;
 - b. Soạn thảo điều lệ (Hợp đồng hợp tác) nhằm đăng ký nhóm người sử dụng nước như Tổ hợp tác;
 - c. Xúc tiến việc lập Báo cáo đầu tư (hoặc Nghiên cứu khả thi) cho hệ thống cấp nước tập trung;
 - d. Điều tra các nguồn vốn, điều kiện của từng nguồn.

Triệu tập cuộc họp thành lập Tổ hợp tác khi bốn điểm trên đây đã hoàn tất. Mục đích của cuộc họp thành lập Tổ hợp tác là phê chuẩn Điều lệ và quyết định tiến hành xây dựng hệ thống cấp nước tập trung dựa vào Báo cáo đầu tư (hoặc Nghiên cứu khả thi).

PHỤ LỤC 1.4

Mẫu: Biên bản cuộc họp cộng đồng và danh sách thành viên

BIÊN BẢN CUỘC HỌP THÀNH LẬP NHÓM NG- ỜI SỬ DỤNG N- ỚC

của thôn , xã, huyện

Hôm nay, ngàytháng..... năm....., chúng tôi cùng nhau họp để thảo luận đề xuất dự án cấp nước tập trung cho (các) thôn..... do các ông/bà..... chuẩn bị thành lập nhóm người sử dụng nước của (các) thôn nói trên.

Những vấn đề chính đã được thảo luận tại cuộc họp này là:

1. Thiết lập hệ thống cấp nước tập trung
2. Thành lập nhóm người sử dụng nước của (các) thôn
3. Cam kết của các thành viên về đóng góp phí đăng ký để chi trả cho những chi tiêu ban đầu, đặc biệt việc chuẩn bị Nghiên cứu khả thi để xây dựng hệ thống nước tập trung
4. Lựa chọn Ban Dự án nước và trưởng ban.

Sau khi thảo luận, chúng tôi cùng thống nhất những vấn đề sau:

1. Thiết lập hệ thống cấp nước tập trung:
 - Hệ thống cấp nước tập trung sẽ cung cấp nước sạch cho hộ gia đình, bao gồm khu vực gồm thôn.....,
 - Nguồn nước: Hiện nay nước từ sông được cung cấp cho cư dân ở (các) thôn (hoặc nhiều gia đình trong thôn đã sử dụng nước ngầm qua các giếng khoan nhỏ).
 - Số hộ gia đình muốn kết nối vào hệ thống: hộ
 - Chi phí tối đa cho việc thiết lập hệ thống,mỗi hộ có thể đóng góp (bao gồm kết nối hộ):đồng /hộ gia đình.
 - Giá nước dự kiến người sử dụng phải trả:đồng/m³
2. Thành lập nhóm người sử dụng nước của (các) thôn.....
 - Chúng tôi đồng ý tham gia vào Nhóm người sử dụng nước và ký vào danh sách các hộ gia đình. Xem bản đính kèm dưới đây.

- Nhóm người sử dụng nước sẽ thành lập Tổ hợp tác khi Điều lệ tổ hợp tác đã được tất cả các thành viên thông qua.

3. Cam kết của tất cả các thành viên trong cuộc họp về việc đóng góp phí gia nhập:

- Chúng tôi cam kết đóng góp phí gia nhập là đồng/hộ.
- Phí gia nhập sẽ được sử dụng cho những chi tiêu ban đầu như đi khảo sát thực địa đến các công trình cấp nước tập trung khác, thu thập những thông tin cần thiết về thủ tục thiết lập, tiến hành nghiên cứu khả thi (hoặc báo cáo về đầu tư).

4. Lựa chọn Ban dự án nước và trưởng ban:

Các thành viên sau đây được lựa chọn vào Ban Dự án nước:

Ông/bà..... được bầu làm trưởng ban

Ông/bà được bầu làm thành viên của ban

Ông/bà được bầu làm thành viên của ban.

Trưởng ban phải xác định trách nhiệm và quyền hạn của ban và các thành viên trong ban.

Trưởng ban và Ban có trách nhiệm:

- a. Đăng ký các thành viên của Nhóm người sử dụng nước và thu phí đăng ký như đã quyết định;
- b. Soạn thảo điều lệ để Nhóm người sử dụng nước sẽ được đăng ký là tổ hợp tác;
- c. Xúc tiến lập Báo cáo đầu tư hoặc Nghiên cứu khả thi cho hệ thống cấp nước tập trung;
- d. Tìm hiểu các nguồn vốn và điều kiện xin vốn, điều tra khả năng tài chính tiếp theo;

Triệu tập cuộc họp chung khi bốn vấn đề trên đã được hoàn chỉnh.

Tại.....

Thư ký cuộc họp

(Ký)

Phụ lục: Danh sách các thành viên của cuộc họp thành lập nhóm sử dụng n- ớc.

PHỤ LỤC 1.5

Mẫu: Tờ trình xin lập hệ thống cấp nước tập trung

Nhóm người sử dụng nước
Thôn (các thôn).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngàytháng..... 200.....

TỜ TRÌNH XIN THIẾT LẬP MỘT HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TẬP TRUNG

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện
- (hoặc Ban quản lý dự án huyện.....)
- Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn.....

Theo hướng dẫn số 200/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Thực hiện quyết định sốcủa ủy ban nhân dân huyện về việc khuyến khích người dân tham gia phát triển lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Trong những năm qua, đa số các hộ gia đình ở địa phương đã dùng nước tự nhiên từ sông (hoặc suối, hồ...) để sinh hoạt, một số gia đình dùng bể chứa nước mưa hoặc từ giếng khoan. Tuy nhiên, theo báo cáo từ Trung tâm Y tế dự phòng của tỉnh, chất lượng nước từ những nơi này chưa đạt tiêu chuẩn nước uống.

Để đảm bảo sức khỏe của dân, dựa vào nhu cầu của nhân dân, lãnh đạo cộng đồng vận động nhân dân đóng góp xây dựng hệ thống cấp nước sạch với hy vọng được hỗ trợ từ Chính phủ để có được công trình cấp nước càng sớm càng tốt.

Do vậy nhân dân thôn rất mong nhận được hỗ trợ và hướng dẫn từ ủy ban nhân dân huyện và Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường Nông thôn tỉnh để lập được dự án cấp nước.

Đề nghị xem thông tin ngắn gọn đính kèm về hệ thống cấp nước dự kiến ở thôn..... thuộc huyện.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Ủy ban nhân dân huyện và Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh.

Thay mặt Nhóm người sử dụng n- ớc thôn.....
Tr- ởng ban dự án n- ớc

Xác nhận của ủy ban nhân dân xã:

PHỤ LỤC 2.1

ĐIỀU 120-129 BỘ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

Điều 120. Tổ hợp tác

1. Những tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự. Tổ hợp tác có đủ điều kiện để trở thành pháp nhân theo qui định của pháp luật, thì đăng ký hoạt động với tư cách pháp nhân tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Hợp đồng hợp tác có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Mục đích, thời hạn hợp đồng hợp tác;
 - b. Họ, tên, nơi cư trú của tổ trưởng và các tổ viên;
 - c. Mức đóng góp tài sản, nếu có; phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức giữa các tổ viên;
 - d. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ trưởng, của các tổ viên;
 - đ. Điều kiện nhận tổ viên mới và ra khỏi tổ hợp tác;
 - e. Điều kiện chấm dứt tổ hợp tác;
 - f. Các thỏa thuận khác.

Điều 121. Tổ viên tổ hợp tác

Tổ viên tổ hợp tác là cá nhân từ đủ mười tám tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Tổ hợp tác có quyền giao kết hợp đồng lao động với người không phải là tổ viên để thực hiện những công việc nhất định.

Điều 122. Đại diện của tổ hợp tác

1. Đại diện của tổ hợp tác trong các giao dịch dân sự là tổ trưởng do các tổ viên cử ra.
2. Tổ trưởng tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ viên thực hiện một số công việc nhất định cần thiết cho tổ.
3. Giao dịch dân sự do người đại diện của tổ hợp tác xác lập, thực hiện vì mục đích hoạt động của tổ hợp tác theo quyết định của đa số tổ viên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả tổ hợp tác.

Điều 123. Tài sản của tổ hợp tác

1. Tài sản do các tổ viên đóng góp, cùng tạo lập và được tặng, cho chung là tài sản chung của tổ hợp tác.
2. Các tổ viên quản lý và sử dụng tài sản của tổ theo phương thức đã thỏa thuận.
3. Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất của tổ hợp tác phải được toàn thể tổ viên đồng ý; đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số tổ viên đồng ý.

Điều 124. Nghĩa vụ của tổ viên

Tổ viên có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện sự hợp tác theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, giúp đỡ lẫn nhau và bảo đảm lợi ích chung của tổ hợp tác;

2. Bồi thường thiệt hại cho tổ hợp tác do lỗi của mình gây ra.

Điều 125. Quyền của tổ viên

Tổ viên có các quyền sau đây:

1. Được hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ hoạt động của tổ hợp tác theo thỏa thuận;
2. Tham gia quyết định các vấn đề có liên quan đến hoạt động của tổ hợp tác, thực hiện việc kiểm tra hoạt động của tổ.

Điều 126. Trách nhiệm dân sự của tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh tổ hợp tác.
2. Tổ hợp tác chịu trách nhiệm bằng tài sản chung của tổ; nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung của tổ, thì tổ viên phải chịu trách nhiệm liên đới theo phần tương ứng với phần đóng góp bằng tài sản riêng của mình.

Điều 127. Nhận tổ viên mới

Tổ hợp tác có thể nhận thêm tổ viên mới, nếu được đa số tổ viên đồng ý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 128. Ra khỏi tổ hợp tác

1. Tổ viên có quyền ra khỏi tổ hợp tác theo các điều kiện đã thỏa thuận.
2. Tổ viên ra khỏi tổ hợp tác có quyền yêu cầu nhận lại tài sản mà mình đã đóng góp vào tổ hợp tác, được chia phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và phải thanh toán các nghĩa vụ của mình đối với tổ theo thỏa thuận; nếu việc phân chia tài sản bằng hiện vật mà ảnh hưởng đến việc tiếp tục hoạt động của tổ, thì tài sản được trị giá bằng tiền để chia.

Điều 129. Chấm dứt tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thời hạn ghi trong hợp đồng hợp tác;
 - b. Mục đích của việc hợp tác đã đạt được;
 - c. Các tổ viên thỏa thuận chấm dứt tổ hợp tác.

Trong trường hợp chấm dứt, tổ hợp tác phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đã chứng thực hợp đồng hợp tác.

2. Tổ hợp tác chấm dứt theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những trường hợp do pháp luật quy định.
3. Khi chấm dứt, tổ hợp tác phải thanh toán các khoản nợ của tổ; nếu tài sản chung không đủ để trả nợ, thì phải lấy tài sản riêng của các tổ viên để thanh toán theo quy định tại Điều 126 của Bộ luật này.

Trong trường hợp các khoản nợ đã được thanh toán xong mà tài sản chung vẫn còn, thì được chia cho các tổ viên theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

PHỤ LỤC 2.2

Mẫu: Điều lệ tổ hợp tác (*Hợp đồng hợp tác*)

Tên tổ hợp tác:

ĐIỀU LỆ TỔ HỢP TÁC

(*Hợp đồng hợp tác*)

Điều 1 - Tổ hợp tác cung cấp nước sinh hoạt

Mục đích của Tổ hợp tác... .. là thiết lập và vận hành hệ thống cấp nước tập trung trong phạm vi của làng, xã, huyện, tỉnh.

Điều 2 - Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt

Thiết lập hệ thống và dự trù chi phí thiết lập được mô tả trong Báo cáo đầu tư hoặc các tài liệu khác về hệ thống cấp nước nông thôn.

Điều 3- Tổ viên Tổ hợp tác

Các hộ gia đình trong vùng vận hành được xác định trong Báo cáo đầu tư hoặc tài liệu khác đều trở thành tổ viên của tổ hợp tác. Tổ viên hợp tác chính là những hộ gia đình đóng góp cho xây dựng hệ thống cấp nước theo điều 4. Ban quản lý sẽ duy trì việc đăng ký tổ viên trong đó ghi rõ tên tổ viên, địa chỉ và khoản đóng góp.

Điều 4- Đóng góp của các tổ viên

Mỗi tổ viên sẽ đóng góp cho việc thiết lập hệ thống cấp nước phù hợp với việc đóng góp chi phí và các điều kiện thanh toán nêu trong Biên bản cuộc họp chung hoặc tài liệu khác. Phần đóng góp này không bao gồm phí kết nối và đồng hồ.

Điều 5 - Kết nạp tổ viên mới

Hộ gia đình có đủ điều kiện, theo quy định tại Điều 3 của Điều lệ này, nếu có nguyện vọng sẽ trở thành tổ viên sau khi thực hiện việc đóng góp theo quy định của Tổ hợp tác. Mức đóng góp do đại hội của Tổ hợp tác quyết định.

Điều 6 - Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ viên

Tất cả mọi tổ viên đều có quyền được cung cấp nước với mức giá chung đã quy định tại Đại hội thường niên. Đại hội có thể quyết định mức giá tùy theo mức độ tiêu thụ nước. Các tổ viên sẽ phải chấp hành việc chi trả cho khoản tiêu thụ của mình dựa trên chỉ số đồng hồ đo nước, khoảng cách thời gian giữa mỗi lần thu tiền phụ thuộc

vào quyết định đưa ra trong đại hội tổ viên hàng năm. Các tổ viên không được phép cấp nước cho các hộ không thuộc tổ hợp tác ngoại trừ khi được sự đồng ý của Ban Quản lý phê duyệt bằng văn bản. Ban quản lý có trách nhiệm cung cấp nước với mức độ tối đa về số lượng cũng như chất lượng cho các hộ tổ viên theo như thiết kế của hệ thống nhưng các thành viên của ban quản lý không được phép tự ý ngưng việc cung cấp nước hoặc làm ảnh hưởng đến chất lượng nước. Mọi tổ viên đều có trách nhiệm đối với các khoản nợ của tổ hợp tác.

Điều 7 - Ra khỏi Tổ hợp tác

Nếu một tổ viên Tổ hợp tác bán lại quyền sở hữu của mình cho người khác thì người mới sẽ trở thành tổ viên của tổ hợp tác. Khoản đóng góp ban đầu sẽ không được hoàn lại cho tổ viên nếu họ bán cổ phần của mình hoặc vì bất cứ lý do gì họ muốn rút ra khỏi tổ hợp tác.

Điều 8 - Đại hội tổ viên

Đại hội tổ viên là cuộc họp có giá trị cao nhất đối với tổ hợp tác. Đại hội hàng năm này sẽ được tổ chức trong vòng 3 tháng cuối năm tài khoá. Ban quản lý tập hợp các tổ viên dự đại hội ít nhất là trước 1 tuần để thông báo về thời gian và địa điểm họp. Chương trình nghị sự của đại hội bao gồm những vấn đề sau:

1. Bầu chủ toạ của cuộc họp
2. Chủ toạ báo cáo về ban quản lý
3. Báo cáo của Ban giám sát
4. Trình bày về hệ thống kế toán và đề xuất sử dụng lợi nhuận hàng năm
5. Phê duyệt về báo cáo và hệ thống kế toán của chủ toạ
6. Trình bày về ngân sách, đề xuất giá nước và đóng góp của các tổ viên mới trong năm tới
7. Phê duyệt về ngân sách, giá nước, khoản đóng góp của các tổ viên mới trong năm tới
8. Bầu hoặc bãi nhiệm thành viên ban quản lý
9. Bầu thành viên ban giám sát
10. Các công việc khác

Tất cả các tổ viên có quyền biểu quyết và bầu chọn như nhau trong đại hội tổ viên. Các tổ viên không tham dự có thể ủy quyền cho người khác thay thế. Mọi quyết định sẽ do những người tham dự đại hội biểu quyết. Bất kỳ thay đổi nào đối với điều lệ tổ hợp tác đều yêu cầu phải có ít nhất 2/3 tổng số tổ viên tham dự nhất trí và trong đại hội tổ viên thì ít nhất phải có 2/3 số tổ viên tham dự. Nếu như một trong hai điều kiện này không thoả mãn thì Ban quản lý sẽ phải triệu tập một cuộc họp bất thường để quyết định việc thay đổi điều lệ.

Cuộc họp bất thường có thể do Ban quản lý triệu tập nếu thấy cần thiết. Nếu 20% tổng số tổ viên thấy cần thiết triệu tập họp thì Ban quản lý sẽ tổ chức cuộc họp bất thường. Việc triệu tập cuộc họp bất thường cần phải thông báo về lý do cũng như nội dung họp

Điều 9 - Ban Quản lý Tổ hợp tác

Ban Quản lý sẽ bao gồm từ 3 đến 5 thành viên. Các thành viên của Ban Quản lý sẽ được bầu chọn tại đại hội tổ viên và nhiệm kỳ công tác là 2 năm. 3 thành viên của Ban quản lý được bầu trong năm

đầu và 2 thành viên còn lại bầu trong năm tiếp theo. Các thành viên bãi nhiệm có thể được bầu lại. Các tổ viên không được từ chối việc bầu chọn của Ban quản lý.

Các thành viên của Ban quản lý bầu chọn những người đứng đầu (cũng có thể chức Chủ nhiệm của sẽ được bầu trong đại hội tổ viên). Những người đứng đầu ban quản lý bao gồm Chủ nhiệm, Kế toán và Thủ quỹ. Ban Quản lý có trách nhiệm quản lý việc vận hành, bảo dưỡng và các công việc hành chính của hệ thống cấp nước bao gồm cả việc ghi thu phí sử dụng nước của tổ viên cũng như chi trả chi phí vận hành cần thiết.

Ban Quản lý có thể nhận tiền công làm việc. Khoản tiền lương này sẽ là một mục riêng đưa vào trong dự trù chi phí hàng năm và do Đại hội Tổ viên phê duyệt.

Điều 10 – Ban Giám sát

Đại hội tổ viên hàng năm sẽ bầu ra Ban Giám sát gồm 2 hoặc 3 thành viên. Thành viên Ban giám sát được bầu với nhiệm kỳ 1 năm và có thể được bầu lại. Vai trò của Ban Giám sát là thay mặt cho toàn bộ tổ viên giám sát hoạt động của Ban quản lý bao gồm các công việc vận hành, bảo dưỡng hệ thống cấp nước, hoạt động kế toán và quản lý tài sản. Ban Giám sát sẽ bầu ra Trưởng ban và quyết định phương thức hoạt động.

Điều 11 – Kế toán và kiểm toán

Năm tài khoá bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Nhiệm vụ của Ban quản lý là giữ tiền an toàn và công tác kế toán phải phù hợp với nguyên tắc kế toán. Công tác kế toán sẽ do Ban giám sát kiểm tra và sổ sách kế toán đã được kiểm toán sẽ chuyển cho tổ viên đọc trước kỳ Đại hội tổ viên và chính thức đưa ra công bố tại Đại hội.

Nếu tài liệu kế toán cho thấy lợi nhuận hoặc thua lỗ, Ban Quản lý sẽ đề xuất lên Đại hội Tổ viên hình thức sử dụng lợi nhuận cũng như cách khắc phục thua lỗ.

Điều 12 - Xử lý tranh chấp, vướng mắc

Các tranh chấp nảy sinh trong quá trình vận hành hệ thống cấp nước hoặc trong hoạt động của Tổ hợp tác sẽ do Ban quản lý giải quyết. Nếu Ban quản lý không giải quyết được thì việc tranh chấp sẽ giải quyết theo luật của Nước CHXHCN Việt Nam.

Điều 13- Giải thể Tổ hợp tác

Trong trường hợp giải thể Tổ hợp tác thì toàn bộ tài sản sẽ được bán với giá cao nhất. Bất kể tài sản gì còn lại sau khi đã thanh toán các khoản nợ và chi trả toàn bộ các khoản liên quan đến việc giải thể sẽ được phân cho các tổ viên cân xứng với khoản đóng góp của họ cho Tổ hợp tác trước đây.

Nếu tài sản còn lại không đủ để trả cho các khoản nợ và chi xí khác thì tổ viên sẽ phải đóng góp để hoàn thành nghĩa vụ.

PHỤ LỤC 3.1A

Giới thiệu nội dung một báo cáo đầu tư (tham khảo)

BÁO CÁO ĐẦU TƯ- HỆ THỐNG CẤP N- ỚC TẬP TRUNG

Thôn..... xã

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết đầu tư

- Cơ sở pháp lý:
Quyết định đầu tư của cộng đồng làng....., xã....., huyện đã được nhóm người sử dụng nước thông qua trong cuộc họp ngày.....
Thông tư của Tỉnhvề việc phát triển nguồn nước
Thông tin từ Trung tâm NSHVSMTNT tỉnh về việc thành lập hệ thống cấp nước tập trung của tỉnh.

2. Sự cần thiết phải đầu tư

- Tóm lược tình hình chất lượng và khối lượng nước trong thôn không đáp ứng được tiêu chuẩn và ảnh hưởng của nó tới sức khoẻ của dân.
Sự cần thiết để người dân có nước sạch sử dụng
Khả năng hoàn vốn của dân để đầu tư xây dựng cũng như kinh phí vận hành hệ thống.

3. Tên dự án và loại hình đầu tư (xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp)

- Dự án: Hệ thống Cấp nước tại làng.....xã.....huyện.....
Đây là dự án xây mới.

4. Chủ đầu tư

Nhóm người sử dụng nước hoặc tổ hợp tác của làng.....xã.....huyện do Ban Dự án nước làm đại diện.

5. Nội dung dự án

- a. Nguồn nước, công suất cấp nước, hệ thống đường ống, thiết bị chính
 - Nguồn nước: nước ngầm lấy từ một/ hay hai giếng khoan tại khu vựcvới độ sâu....m (hoặc nước mặt từ sông, hồ...)
 - Công suất:m³/ngày (hoặc bơmm³/giờ)
 - Tốc độ lọc:m³/giờ
 - Dung tích bể chứa: m³
 - Đường ống: Đường ống chính:.....m, đường ống nhánh....m
 - Thiết bị: 2 máy bơm trong đó một máy bơm truyền công suấtm³/giờ và hai máy bơm phân phối với công suấtm³/giờ.

b. Vị trí và khu vực (làng, xã, huyện, khu vực sử dụng cho dự án)

Hệ thống sẽ xây dựng trên khu vực của làng.....xã.....huyện....

Diện tích xây dựng:m² (cho xây dựng trạm bơm, bể chứa, tháp n- ớc, nhà kho, văn phòng)

c. Khối lượng các hạng mục và dự toán chi phí dựa trên chỉ tiêu của tỉnh

Hạng mục	Khối l- ợng	Dự toán
1. Điểm lấy n- ớc		
2. Trạm bơm chính		
3. Nhà máy xử lý		
4. Trạm bơm phân phối		
5. Tháp n- ớc		
6. Đ- ờng ống truyền dẫn		
7. Các hạng mục khác		
Tổng chi phí dự toán		

- Sơ đồ công trình: giếng khoan, trạm bơm, bể lọc, tháp nước
- Phác hoạ đường ống truyền dẫn
- Lắp đặt đồng hồ nước cho các hộ: Dự định lắp đồng hồ cho....hộ trong khu vực dự án.

6. Ước tính giá 1m³ nước

7. Tổng đầu tư và nguồn tài chính:

a. Tổng đầu tư

b. Nguồn tài chính:

- Dân đóng góp:.....đồng
- Ngân sách huyện/ tỉnh:.....đồng
- Các nguồn khác:.....đồng

Mức đóng góp của mỗi hộ (kể cả mắc n- ớc vào hộ) là.....đồng/hộ

c. Việc hoàn vốn (nếu vay vốn ngân hàng)

8. Thời gian bắt đầu và kết thúc:

- Bắt đầu khởi công: tháng.....năm
- Hoàn thành: tháng.....năm

Ngày...tháng năm 200

Công ty T- vấn

PHỤ LỤC 3.1B

Giới thiệu nội dung nghiên cứu khả thi cấp nước tập trung nông thôn (tham khảo)

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI HỆ THỐNG CẤP N- ỚC

Thônxãhuyện tỉnh

1. Giới thiệu tóm tắt dự án

Chủ đầu tư

Mục đích của dự án

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể

Địa điểm

Công suất, số hộ và số dân được cấp nước

Tổng vốn đầu tư và các nguồn vốn

Thời gian thực hiện

2. Khái quát điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội

- Điều kiện tự nhiên: vị trí địa lý, khí hậu, mạng lưới thủy văn, đặc điểm địa chất thủy văn của vùng đầu tư dự án, trong đó, đặc biệt mô tả chi tiết đặc điểm thủy văn và địa chất thủy văn nhằm làm cơ sở cho việc đánh giá nguồn nước trong phần sau.
- Đặc điểm kinh tế xã hội: dân số (số hộ, mật độ dân số, tỷ lệ tăng dân số); trình độ dân trí, các ngành sản xuất chính (đặc biệt chú trọng các ngành sản xuất cần nhiều nước trong tương lai), thu nhập, y tế, giao thông, điện, các công trình thủy lợi.

3. Hiện trạng sử dụng nước & VSMT

- Hiện trạng sử dụng nước: Thống kê về các loại hình cấp nước đã có trong vùng (bể lu chứa nước mưa, nước mặt, giếng đào, giếng khoan, công trình cấp nước tập trung đã có), số dân đã hưởng nước sạch và số dân sử dụng nguồn nước chưa hợp vệ sinh hoặc không có nước sử dụng, nhu cầu dùng nước của nhân dân.
- Hiện trạng vệ sinh môi trường: Thống kê về các loại hình vệ sinh môi trường (các loại nhà xí, biogas,), hệ thống thoát nước, rác thải, những nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước nhằm có biện pháp bảo vệ sau khi công trình đã được xây dựng.
- Tình hình bệnh tật có liên quan: Thống kê về phần trăm các loại bệnh tật mắc phải có liên quan đến việc sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh.
- Tính cấp thiết của dự án: Nêu lên nhu cầu dùng nước bức xúc của người dân.

4. Nguồn nước và khả năng cung cấp nước

Phân tích kỹ nguồn nước về trữ lượng và chất lượng.

Đánh giá khả năng cung cấp bền vững của nguồn nước khi sử dụng, đặc biệt chú ý lưu lượng của nguồn trong mùa khô và khả năng tự bảo vệ của nguồn nước khi bị các tác nhân gây ô nhiễm.

Phân tích chất lượng các nguồn nước theo các chỉ tiêu cơ bản

Các chỉ tiêu chất lượng nước:

1. Màu	7. Độ kiềm toàn phần	13. As
2. Mùi, vị	8. DO	14. NO3-
3. Hàm l- ợng cặn	9. CL-	15. NO2-
4. Độ oxy hoá	10. Tổng Fe	16. NH4+
5. PH	11. Mn	17. Vi sinh: Ecoli Fecal Coliform
6. Độ cứng toàn phần Pb		

Đánh giá so sánh tính bền vững và hiệu quả kinh tế của các phương án cấp nước:

Phương án cấp nước sử dụng nguồn nước mặt (*Hệ tự chảy, bơm dẫn*).

Phương án cấp nước sử dụng nguồn nước ngầm (lấy nước tầng sâu hay tầng nông, loại công trình khai thác: bằng giếng đào, giếng khoan đường kính nhỏ nối mạng, giếng khoan đường kính lớn, hành lang thu nước,...).

Phương án lựa chọn: cấp nước có tính thực thi và hiệu quả kinh tế cao nhất. Tuy nhiên, khi nguồn nước ngầm đảm bảo cả chất và lượng, cần ưu tiên khai thác nước ngầm vì mức độ tự bảo vệ của nguồn nước ngầm rất cao.

Ngoài ra trong quá trình lập nghiên cứu khả thi cần khảo sát đánh giá chi tiết trữ lượng, chất lượng nguồn nước nhằm có cơ sở đáng tin cậy để thiết kế giếng và tính toán lưu lượng khai thác tối đa của giếng, chọn loại máy bơm phù hợp với công suất và mực nước của giếng khai thác.

5. Tính toán các thông số kinh tế kỹ thuật

- Cơ sở tính toán:

Tính toán số dân cần được cấp nước: Dựa trên dân số hiện tại và dự báo phát triển dân số tính cho 20 năm sau, nhu cầu dùng nước, giải pháp công nghệ, yêu cầu thiết kế.

Nhu cầu dùng nước: được xác định trên các cơ sở sau:

Nước cấp cho sinh hoạt tiêu chuẩn 60 lít/người-ngày.(Qsh).

Nước cấp cho các công trình công cộng là 10% Qsh (Qcc)

Nước cấp cho nhu cầu sản xuất tiểu thủ công nghiệp là 20% Qsh (Qsx)

Nước thất thoát và dự phòng phát triển là 10%Qsh (Qdp).

Nước dùng cho bản thân trạm xử lý là 10%Qsh (Qtxl).

Nước dùng cho chữa cháy (Qcch).

Tổng nhu cầu tiêu thụ nước theo tính toán là:

$$Q = Qsh + Qcc + Qsx + Qdp + Qtxl + Qcch \quad (m^3/ \text{ngày}).$$

Giải pháp công nghệ: Căn cứ vào chỉ tiêu lý, hoá học của nguồn nước cụ thể để chọn dây chuyền công nghệ thích hợp.

Các chỉ tiêu sau cần đặc biệt quan tâm:

- pH, độ đục, độ oxy hoá, hàm lượng vi sinh khi sử dụng nguồn nước mặt.
- Tổng độ cứng (ở vùng đá vôi), Fe, Mn, Cl (vùng ven biển) khi dùng nước ngầm.

Ngoài ra, sự thay đổi của nguồn nước theo mùa cũng cần tính đến khi lựa chọn công nghệ.

Phân tích hiệu quả của công nghệ được chọn: chất lượng nước sau xử lý, so sánh chi phí xây dựng, chi phí vận hành, thuận tiện và dễ dàng khi vận hành bảo dưỡng, diện tích chiếm đất, điện năng tiêu thụ.

- *Thiết kế sơ bộ*

- a. Công trình thu nước thô: vị trí dự kiến và có một thiết kế sơ bộ về hạng mục công trình này.
- b. Trạm bơm : Vị trí xây dựng trạm bơm, các loại bơm sẽ sử dụng và các thiết bị đi kèm, tính năng của máy bơm và thiết bị đi kèm.
- c. Công trình xử lý nước: Vị trí trạm xử lý nên chọn ở nơi hội tụ các điều kiện thuận lợi, nhất là điều kiện về kết cấu công trình, điều kiện kinh tế, kỹ thuật của dự án, thuận tiện cho việc vận hành và quản lý trạm xử lý sau này.

Tính toán thiết kế sơ bộ dây chuyền công nghệ trạm xử lý bao gồm diện tích, công suất làm việc của dàn mưa, bể trộn khí, sục, bể lắng, lọc nhanh, lọc chậm, khử trùng, bể nước sạch, đài nước...(nếu có). Tính năng của các loại thiết bị đi kèm trong dây chuyền công nghệ.

- d. Cấp điện: Nguồn điện cung cấp cho công trình hoạt động.
- e. Mạng lưới đường ống truyền dẫn và phân phối.
 - + Tính toán thủy lực.
 - + Sơ đồ mạng đường ống
 - + Thống kê đường ống phân phối nước sạch (chiều dài đường ống, cấp đường kính, loại ống, hố van, trụ vôi, các điểm đấu nối nước vào nhà, tê, van, cút ... trên mạng lưới đường ống).

6. Bảng khái toán vốn đầu tư (Có bảng chi tiết kèm theo)

Tổng kinh phí đầu t- dự án là	:	_____	đồng. Trong đó :
+ Chi phí xây dựng công trình	:	_____	đồng
+ Chi phí mua sắm thiết bị	:	_____	đồng
+ Chi phí khác	:	_____	đồng
+ Dự phòng phí	:	_____	đồng
+ Thuế giá trị gia tăng	:	_____	đồng

7. Nguồn vốn đầu tư

+ Vốn ngân sách của Chương trình trung ương	:	_____	đồng
+ Vốn ngân sách địa phương	:	_____	đồng
+ Vốn hỗ trợ quốc tế	:	_____	đồng
+ Vốn dân đóng góp	:	_____	đồng
+ Vốn của các tổ chức khác	:	_____	đồng

8. Tính toán hiệu quả kinh tế

Suất vốn đầu t-

- Các chi phí khi đưa dự án vào hoạt động
 - + Chi phí khấu hao tài sản cố định (C1)
 - + Chi phí cho sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa thường xuyên (C2)
 - + Chi phí cho sản xuất (C3)

Tổng các chi phí khi đưa dự án vào hoạt động

$$C = C1 + C2 + C3$$

- Tính toán giá thành 1 m³ nước sản xuất
- Thu nhập khi dự án hoạt động

9. Tác động kinh tế xã hội - môi trường

- Tác động tích cực
- Tác động tiêu cực
- Các giải pháp bảo vệ môi trường và nguồn nước cung cấp

10. Tổ chức thực hiện

- Dự kiến tiến độ thực hiện
- Tổ chức thực hiện:
 - + Cơ quan chủ đầu tư
 - + Cơ quan tư vấn thiết kế
 - + Cơ quan thi công
 - + Ban giám sát, nghiệm thu công trình
 - + Bàn giao, vận hành bảo dưỡng công trình.

Kết luận và kiến nghị

Ngày..... tháng.....năm 200..

CÔNG TY T- VẤN

PHỤ LỤC 3.2

Hợp đồng lập báo cáo đầu tư hoặc nghiên cứu khả thi

BAN DỰ ÁN N- ỚC
Thôn (các thôn).....
Huyện..... Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

Hợp đồng kinh tế

HỢP ĐỒNG LẬP BÁO CÁO ĐẦU T- (nghiên cứu khả thi) HỆ THỐNG CẤP N- ỚC

Thôn..... Xã Huyện Tỉnh

- Căn cứ vào Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17/HĐBT ngày 16/1/1990 của Hội đồng Bộ trưởng qui định về việc thi hành Pháp lệnh Hợp Đồng kinh tế.
- Căn cứ vào Nghị định số 12/2000/NĐ - CP ngày 5/5/2000 của Thủ tướng Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/ NĐ - CP ngày 8/7/1999 của Chính Phủ.

- Căn cứ vào công văn của Ban Dự án nước thôn,xã huyện tỉnh

Hôm nay ngày tháng năm , tại, chúng tôi gồm có

*** Đại diện bên A: (Ban Dự án n- ớc)**

- Tên đơn vị: Tổ hợp tác cấp nước Thôn..... Xã
- Người đại diện: Ông Chức vụ: Trưởng ban
- Địa chỉ:
- Điện thoại:

*** Đại diện bên B: (đơn vị t- vấn)**

- Tên đơn vị:
- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Có tài khoản: tại Ngân hàng

Thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều I: Nội dung công việc hợp đồng.

Bên A giao cho bên B lập báo cáo đầu tư (hoặc nghiên cứu khả thi) công trình cấp nước thôn xã huyện tỉnh

Điều II: Thời gian thực hiện hợp đồng

Bên B đảm bảo hoàn thành báo cáo đầu tư (hoặc nghiên cứu khả thi) trong thời gian là ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Ngày giao tài liệu:

Điều III: Trách nhiệm 2 bên

Bên A –

- Cung cấp cho bên B các thông tin về nguồn nước, bố trí dân cư trong khu vực dự định cấp nước, tình hình kinh tế và khả năng đóng góp vốn của các hộ
- Cử người làm việc với bên B trong quá trình báo cáo đầu tư (hoặc nghiên cứu khả thi)
- Liên hệ với các cơ quan chức năng của tỉnh để thực hiện các thủ tục cần thiết của hợp đồng
- Trả tiền đúng thời hạn cho bên B

Bên B thực hiện lập báo cáo đầu tư (hoặc nghiên cứu khả thi) theo đúng yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn của nhà nước hiện hành, giao đủ hồ sơ gồm 7 bộ cho Bên A. Nộp hồ sơ đúng thời hạn cam kết.

Nếu có sai sót hoặc cần bổ sung hồ sơ, bên B sẽ thực hiện sửa chữa mà không tính thêm tiền.

Điều IV: Giá trị hợp đồng

Giá trị tạm tính của hợp đồng được tính toán dựa trên các định mức hiện hành do Nhà nước quy định

Giá trị tạm tính là: đồng. Trong đó:

- Lập báo cáo đầu tư (hoặc nghiên cứu khả thi) đồng
- Khoan khảo sát nguồn nước đồng

(Tổng số tiền bằng chữ:)

Điều V: Phương thức và điều kiện thanh toán

Bên A tạm ứng cho bên B % giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết.

.....% còn lại được trả khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều VI: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc, thay đổi phải được sự thống nhất của cả hai bên (bằng văn bản). Bên nào tự ý làm sai phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên thiệt hại theo chế độ hợp đồng Nhà nước đã ban hành.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

Đại diện bên B
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên A
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3.4

Mẫu: Giấy tự nguyện hiến đất xây dựng công trình cấp nước sạch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY TỰ NGUYỆN HIẾN ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẤP N- ỚC SẠCH

Kính gửi: UBND xã _____, huyện _____ tỉnh _____

Họ và tên:

Địa chỉ: thôn (ấp) _____ xã _____ huyện _____ tỉnh _____

Tôi và gia đình đồng ý hiến cho tổ hợp tác cấp nước thôn..... một phần đất với diện tích _____ m²
nằm tại vị trí: _____ thuộc tờ bản đồ địa chính số: _____ năm _____
tỷ lệ: _____ do tôi đứng quyền sử dụng.

Mục đích: phục vụ cho việc xây dựng công trình cấp nước tập trung cho thôn (ấp):

xã: _____ huyện: _____ tỉnh: _____

Tôi và gia đình cam kết sẽ không khiếu nại về phần đất đã hiến cho tổ hợp tác cấp nước thôn
.....

..... ngày.....tháng.....năm 200...

Xác nhận của UBND xã
(ký tên, ghi rõ họ tên)

Người hiến đất

Điều II: Thời gian thực hiện hợp đồng

Bên B đảm bảo hoàn thành hồ sơ thiết kế thi công trong thời gian là ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Ngày bắt đầu:

Ngày hoàn thành:

Điều III: Trách nhiệm 2 bên.

- Bên A cung cấp cho bên B các tài liệu về quy hoạch xã và các thông tin về tình hình của xã
- Cử người làm việc với bên B trong quá trình khảo sát thiết kế, lên phương án đền bù và giải phóng mặt bằng.
- Liên hệ với các cơ quan chức năng của Tỉnh để thực hiện các thủ tục cần thiết của hợp đồng.
- Trả tiền đúng thời hạn cho bên B

Bên B thực hiện việc khảo sát, thiết kế theo đúng yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước, giao đủ hồ sơ gồm 7 bộ cho Bên A. Nộp hồ sơ đúng thời hạn cam kết.

Nếu có sai sót hoặc cần bổ sung hồ sơ, bên B sẽ thực hiện sửa chữa mà không tính thêm tiền.

Điều IV: Giá trị hợp đồng

Giá trị tạm tính của hợp đồng được tính toán dựa trên các định mức hiện hành do Nhà nước quy định.

Giá trị tạm tính là: đồng. Trong đó:

- Chi phí khảo sát địa hình : đồng (xem phụ lục)
- Thiết kế phí: đồng
- Khảo sát địa chất: đồng

(Tổng số tiền bằng chữ:)

Điều V: Phương thức và điều kiện thanh toán

Bên A tạm ứng cho bên B % giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết.

Trả tiếp% khi bên B nộp đủ hồ sơ cho bên A.

.....% còn lại được trả khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều VI: Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc, thay đổi phải được sự thống nhất của cả hai bên (bằng văn bản...). Bên nào tự ý làm sai phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên thiệt hại theo chế độ hợp đồng Nhà nước đã ban hành.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

Đại diện bên B
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên A
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3.6

Mẫu hợp đồng giao nhận thầu xây lắp

BAN DỰ ÁN N- ỚC
Thôn (các thôn).....
Huyện..... Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm 200...

Số :...../HĐKT-TT

HỢP ĐỒNG GIAO NHẬN THẦU XÂY LẮP HỆ THỐNG CẤP N- ỚC

ThônXã.....Huyện.....Tỉnh.....

- Căn cứ vào Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 09 năm 1989 và Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ban hành theo Quyết định số 17/HĐBT ngày 16 tháng 04 năm 1990.
- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 07 năm 1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2000 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.
- Căn cứ vào quyết định số ngày thángnăm của UBND tỉnh về việc phê duyệt (hoặc chấp nhận)dự án và dự toán xây dựng công trình cấp nước tập trung thôn xã huyện tỉnh
- Căn cứ vào khả năng, nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 200...

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên giao)

Đại diện là ông:

Chức vụ:

Trưởng ban Dự án nước

Cơ quan:

Tổ hợp tác cấp nước thôn xã

Địa chỉ:

.....

Tài khoản số:

tại

Bên B (Bên nhận)

Đại diện là ông:

Chức vụ:

Giám đốc

Cơ quan:

Công ty

Địa chỉ:

.....

Tài khoản số:

..... tại Ngân hàng.....

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A giao cho bên B thực hiện gói thầu phân xây lắp công trình cấp nước sạch tại thôn (ấp).....xã:.....huyện:.....tỉnh:.....theo đúng nội dung thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xét duyệt.

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian bắt đầu: Ngày tháng năm 200...

Thời gian kết thúc: Ngày tháng năm 200...

Điều 3: Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là.....đồng (Theo giá trị dự toán đ- ợc duyệt)

(Chi tiết từng nội dung, giá trị cụ thể đ- ợc đính kèm theo).

Điều 4: Phương thức thanh toán

Bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng (hoặc thanh toán bằng tiền mặt). Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo toàn bộ khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu theo từng đợt, số kinh phí tiếp theo sẽ thanh toán theo khối lượng nghiệm thu từng đợt được sự thoả thuận giữa hai bên và thanh toán kết thúc khi dự án được nghiệm thu và thanh lý hợp đồng./.

Điều 5: Trách nhiệm của bên A:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, số liệu liên quan đến công trình.
- Tạo điều kiện giúp đỡ bên B trong quá trình thực hiện.
- Cử cán bộ theo dõi, giám sát thực hiện hợp đồng của bên B.
- Cùng với bên B tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra.

Điều 6: Trách nhiệm của bên B:

- Thống nhất với bên A về thời gian (kế hoạch chi tiết) thực hiện hợp đồng.
- Định kỳ báo cáo tiến độ với bên A theo yêu cầu của công việc.
- Tạo mọi điều kiện để bên A đi giám sát công việc.
- Hoàn thành hợp đồng về số lượng, chất lượng và đảm bảo tiến độ công việc và bàn giao như đã ký kết trong hợp đồng.
- Đảm bảo đầy đủ các thủ tục thanh quyết toán theo yêu cầu của bên A.
- Bàn giao cho bên A đầy đủ hồ sơ, thiết bị máy móc và các hướng dẫn kỹ thuật vận hành bảo dưỡng thiết bị công nghệ.
- Bảo hành công trình một năm kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu công trình.

Điều 7: Điều khoản thi hành:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc, thay đổi phải được sự thống nhất của cả hai bên (bằng văn bản...). Bên nào tự ý làm sai phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên thiệt hại theo chế độ hợp đồng Nhà nước đã ban hành.
- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

Đại diện bên B
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên A
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3.7**Mẫu: Biên bản bàn giao công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng**

BAN DỰ ÁN N- ỚC
Thôn (các thôn).....
Huyện..... Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm 200...

BIÊN BẢN BÀN GIAO CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH Đ- A VÀO SỬ DỤNG

Tên công trình: Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã....., huyện....., tỉnh (TP)..... bằng công nghệ

Địa điểm xây dựng: Thôn.....xã.....huyệntỉnh.....

Chủ đầu tư công trình: Trung tâm

Đơn vị tư vấn thiết kế:

Cơ quan thẩm định và phê duyệt thiết kế tổng dự toán:

UBND tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật tổng dự toán tại Quyết định số:...../QĐ-UB ngày tháng năm

Nhà thầu xây lắp và giám sát thi công:

Công ty xây lắp.....theo hợp đồng số /HĐTC – VP ngày / / 02

Thời gian tiến hành bàn giao: ngày tháng năm

Các bên tham gia bàn giao:

Đại diện chủ đầu tư: Tổ hợp tác cấp nước thôn xã

Ông (Bà).....Chức vụ: Trưởng ban Dự án nước

Ông (Bà).....Chức vụ: Giám sát kỹ thuật

Ông (Bà).....Chức vụ: Kế toán

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đại diện nhà thầu xây lắp: Công ty xây lắp.....

Ông (Bà).....Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà).....Chức vụ: Chủ nhiệm dự án

Ông (Bà).....Chức vụ: Cán bộ kế hoạch

Ông (Bà).....Chức vụ: Kế toán trưởng

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản số:.....tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.....

Đại diện đơn vị thiết kế: Công ty tư vấn thiết kế

Ông (Bà).....Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà).....Chức vụ: Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật

Ông (Bà).....Chức vụ: Kế toán trưởng

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản số:.....tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.....

Đại diện các đơn vị liên quan trong tỉnh, huyện:

Ông (Bà).....Chức vụ:

Ông (Bà).....Chức vụ:

Ông (Bà).....Chức vụ:

Các bên đại diện thống nhất lập biên bản bàn giao công trình với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã....., huyện....., tỉnh (TP)..... bằng công nghệ

2. Công tác xây lắp:

Đã hoàn thành các hạng mục theo đúng bản vẽ thiết kế của dự án:

Thông thường bao gồm:

- Trạm bơm cấp I; II
- Nhà quản lý, điều hành
- CỤM xử lý
- Bể chứa nước thôcái mỗi cáim³
- Bể chứa nước sạchcái mỗi cáim³
- Tuyến ống phân phối
- San nền và thoát nước
- Cổng, tường rào.
- Giếng khai thác (nếu có).
- Hệ thống điện

3. Công tác khảo sát, thiết kế, chuyển giao công nghệ và đào tạo, chạy thử.

4. Các bên đã xem xét kiểm tra tại hiện trường

Trên cơ sở xem xét hồ sơ tài liệu, công trình tại hiện trường như sau:

- Thời gian thi công xây dựng công trình:

Ngày khởi công: / / 200...

Ngày hoàn thành: / / 200...

- Quy mô đưa vào sử dụng công trình theo thiết kế đã được phê duyệt

5. Chất lượng thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị của toàn bộ công trình so với thiết kế đã được phê duyệt theo đúng yêu cầu.

6. Trách nhiệm của các bên:

- Cơ quan khai thác sử dụng: (xãhuyện.....tỉnh.....) có trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo dưỡng, khai thác có hiệu quả công trình.
- Cơ quan thực hiện xây dựng dự án: (Trung tâm, Viện.....) có trách nhiệm tiếp tục theo dõi hiệu quả của dự án, tính phù hợp của dự án, hiệu chỉnh bổ xung hoàn chỉnh dự án, hướng dẫn công tác kỹ thuật trong quá trình vận hành.
- Chủ đầu tư xây dựng dự án chủ trì phối hợp với UBND tỉnh, UBND huyện (TX), UBND xã tổng hợp đánh giá kết quả và nhân rộng phổ cập cho các địa phương trong tỉnh.

7. Kết luận

Chấp nhận bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng khai thác phục vụ dân cư trên địa bàn xã một cách có hiệu quả.

8. Giá trị công trình:.....triệu đồng (có phụ lục đính kèm).

(Bằng chữ:triệu đồng chẵn).

Biên bản được nhất trí giờ, ngày.....thángnăm 200.... và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản, 3 bên đại diện chính (Chủ đầu tư, Nhà thầu xây lắp, Đơn vị tiếp nhận quản lý và sử dụng).

Đại diện bên B
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị tư vấn thiết kế
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên A
(Ký tên, đóng dấu)

Ủy ban nhân dân xã
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3.8

NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CẤP N- ỚC

Nhóm người sử dụng nước cần giữ hồ sơ cùng tất cả các tài liệu cần thiết từ việc thành lập nhóm đến công trình cấp nước tập trung.

Cần lưu hồ sơ để dễ dàng tìm tài liệu trong trường hợp sửa chữa công trình, hoặc khi công trình được mở rộng. Các tài liệu quan trọng là:

- Đề xuất dự án ban đầu
- Biên bản các cuộc họp cộng đồng đầu tiên
- Điều lệ Tổ hợp tác
- Hợp đồng với công ty tư vấn để chuẩn bị báo cáo đầu tư/báo cáo nghiên cứu khả thi
- Báo cáo đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi
- Biên bản cuộc họp thành lập nhóm sử dụng nước
- Giấy phép khoan và khai thác nước
- Giấy phép giao đất hoặc cam kết cho thuê đất, tình nguyện hiến đất
- Hợp đồng với công ty tư vấn để lập hồ sơ thiết kế chi tiết
- Thiết kế chi tiết, bản vẽ, chi tiết kỹ thuật và chi phí dự toán
- Hợp đồng với công ty xây lắp
- Biên bản kiểm tra chất lượng của tư vấn và ủy ban giám sát
- Tài liệu hoàn thiện công trình, biên bản thay đổi và những chi phí phát sinh so với thiết kế ban đầu
- Biên bản bàn giao công trình
- Tài liệu hướng dẫn về vận hành và bảo dưỡng công trình cấp nước tập trung
- Bảng liệt kê và tài liệu hướng dẫn các thiết bị lắp đặt trong công trình.

